

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

(Theo hệ thống tín chỉ, áp dụng từ khóa 08 Đại học chính quy)

(Ban hành kèm theo Quyết định số 221/QĐ-TĐHTPCM ngày 19 tháng 3 năm 2018 của
Hiệu trưởng trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh)

1. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1.1. Mô tả chương trình đào tạo

1.1.1. Giới thiệu về chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo ngành Kinh tế tài nguyên thiên nhiên nhằm đào tạo Cử nhân Kinh tế tài nguyên và thiên nhiên có đủ kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp, phẩm chất chính trị, đạo đức, tác phong nghề nghiệp và sức khỏe tốt để có thể làm việc đạt hiệu quả ở các lĩnh vực liên quan đến hoạt động sản xuất - kinh doanh trong doanh nghiệp.

1.1.2. Thông tin chung về chương trình đào tạo

1. Tên chương trình - Tiếng Việt - Tiếng Anh	- Kinh tế tài nguyên và thiên nhiên - Economics of Environment and Natural Resources
2. Trình độ đào tạo	Đại học chính quy
3. Ngành đào tạo	Kinh tế tài nguyên thiên nhiên
4. Mã số	52850102
5. Thời gian đào tạo	4 năm
6. Trường cấp bằng	Đại học Tài nguyên & Môi trường TP HCM
7. Tên văn bằng sau khi tốt nghiệp - Tiếng Việt - Tiếng Anh	- Kinh tế tài nguyên và thiên nhiên - Economics of Environment and Natural Resources
8. Khoa quản lý	Khoa Kinh tế TNMT
9. Điều kiện tốt nghiệp	- Tích lũy đủ số học phần và khối lượng của chương trình đào tạo 134 tín chỉ. - Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa đạt từ 2.0 trở lên - Đạt chuẩn đầu ra về trình độ tiếng Anh và Tin học theo quy định chung của Nhà trường. - Có chứng chỉ Giáo dục Quốc phòng – An ninh và Giáo dục thể chất
10. Học tập nâng cao trình độ	Người tốt nghiệp có thể tiếp tục học thạc sĩ và tiến sĩ trong và ngoài nước.
11. Hình thức đào tạo	Tập trung

1.2. Chương trình đào tạo tham khảo khi xây dựng

Chương trình đào tạo ở nước ngoài:

- University of Birmingham – Enviromental and Natural Resource Economics MSc Degree

- University of Maryland - Environmental and Natural Resource Economics Degree.

Chương trình trong nước:

- Đại học Nông Lâm TP. Hồ Chí Minh – Chuyên ngành Kinh tế tài nguyên môi trường

- Đại học Cần Thơ – Khoa Môi trường và Tài nguyên thiên nhiên

1.3. Đối tượng, tiêu chí tuyển sinh

- Đối tượng tuyển sinh: Thí sinh đã tốt nghiệp THPT (hoặc tương đương), đạt chuẩn tuyển sinh theo quy định của Nhà trường. Theo quy chế Tuyển sinh Đại học và Cao đẳng hệ chính quy của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Đề án tuyển sinh của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh.

- Tiêu chí tuyển sinh: Thực hiện theo Quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Đề án tuyển sinh của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh theo từng năm.

1.4. Hình thức đào tạo: Đào tạo theo hệ thống tín chỉ

1.5. Điều kiện tốt nghiệp

- Được thực hiện theo Quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quy chế đào tạo theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh.

2. Mục tiêu đào tạo

2.1. Mục tiêu chung

- Tầm nhìn: là chương trình đào tạo ngành kinh tế định hướng ứng dụng trong nền kinh tế và các lĩnh vực liên quan ngành tài nguyên môi trường. Đào tạo nguồn nhân lực chuyên ngành kinh tế đáp ứng nhu cầu thực tế của thị trường và các lĩnh vực liên quan tài nguyên môi trường. Chương trình đào tạo hướng

đến chuẩn khu vực và quốc tế: người học có khả năng hội nhập, làm việc và phát triển sự nghiệp trong các môi trường tổ chức, doanh nghiệp Việt nam và quốc tế.

- Chương trình đào tạo ngành Kinh tế tài nguyên thiên nhiên và môi trường giúp người học xây dựng được một nền tảng kiến thức vững chắc và kỹ năng ứng dụng thực tiễn các công cụ kinh tế tài chính trong nền kinh tế nói chung và trong lĩnh vực tài nguyên môi trường nói riêng.

2.2. Mục tiêu cụ thể

- Hoàn thành chương trình đào tạo ngành Kinh tế tài nguyên thiên nhiên và môi trường, người học được trang bị kiến thức và kỹ năng đáp ứng khả năng làm việc và phát triển sự nghiệp tương lai trong các lĩnh vực cụ thể sau:

(1) Chuyên viên/chuyên gia tổng hợp, phân tích, thẩm định, triển khai hiệu quả các hoạt động/dự án kinh tế - xã hội các tổ chức, doanh nghiệp và liên quan các lĩnh vực khai thác tái tạo tài nguyên và bảo vệ môi trường, phát triển bền vững.

(2) Định giá/lượng giá/thẩm định các nguồn lực tài nguyên thiên nhiên và môi trường trong hoạt động kinh tế xã hội; áp dụng các phương pháp công cụ mô hình phân tích lượng giá trong thực tế hoạt động tổ chức kinh tế-xã hội, doanh nghiệp.

(3) Chuyên viên triển khai thực hiện hệ thống chính sách/thuế/phí/quản lý tài chính kế toán trong hoạt động của các tổ chức doanh nghiệp nói chung và liên quan đến các lĩnh vực ngành tài nguyên môi trường: tài nguyên đất, khoáng sản, môi trường, tài nguyên nước, biển hải đảo...

2.3. Kiến thức

- Để đáp ứng các mục tiêu hướng đào tạo cụ thể nêu trên, chương trình đào tạo ngành Kinh tế tài nguyên môi trường cung cấp khối kiến thức kỹ năng cơ bản về kinh tế, quản trị chung cho sinh viên, đồng thời sinh viên được lựa chọn một hoặc tất cả các khối kiến thức kỹ năng dưới đây để định hướng đào tạo:

(1) Nhóm kiến thức cơ bản và chuyên ngành về: toán và thống kê, hệ thống và phân tích thông tin dữ liệu thị trường, kinh tế xã hội, mô phỏng và mô

hình kinh tế... Tiếp theo là các kiến thức về kinh tế học, kinh tế tài nguyên, kinh tế bền vững, hoạt động thương mại kinh doanh liên quan các nguồn lực tài nguyên và môi trường, kinh tế môi trường và những vấn đề trong chính sách quản lý tài nguyên và môi trường...

(2) Kiến thức về hoạt động định giá tài sản, tài nguyên, giá trị tổn hại trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường, đồng thời cung cấp các kiến thức nền tảng và các hệ thống quản trị, mô hình, công cụ về tài chính và giá trị đáp ứng yêu cầu thực tiễn về định giá và thẩm định giá tài sản nguồn lực nói chung và liên quan đến các lĩnh vực tài nguyên môi trường.

(3) Kiến thức về hệ thống luật, chính sách, thuế, phí, hệ thống quản trị mô hình và công cụ tài chính kế toán trong các tổ chức doanh nghiệp nói chung và liên quan lĩnh vực tài nguyên môi trường...

2.4 Kỹ năng

Người học được cung cấp môi trường và khả năng rèn luyện các kỹ năng làm việc thực tiễn như sau:

(1) Kỹ năng giải quyết vấn đề chuyên môn hoạch định, dự báo, phân tích, quản lý trong hoạt động kinh tế xã hội và các vấn đề liên quan ngành tài nguyên môi trường.

(2) Kỹ năng triển khai thực hiện điều hành các dự án, nhiệm vụ: tổ chức, phân công trách nhiệm, lập kế hoạch, điều chỉnh kế hoạch khi có sự thay đổi.

(3) Kỹ năng phối hợp làm việc nhóm, tổ chức thực hiện công việc, phân công trách nhiệm từng thành viên, tiến độ thời gian thực hiện, phối hợp.

(4) Kỹ năng truyền đạt thông tin: có kỹ năng viết và trình bày báo cáo, kết quả nghiên cứu khoa học, hoạt động tổ chức sản xuất kinh doanh, trình bày báo cáo dưới dạng văn phong khoa học rõ ràng và chính xác có hiệu quả.

(5) Kỹ năng sử dụng thành thạo các phần mềm cho chuyên ngành, áp dụng các công cụ quản trị tài chính và kế toán, các mô hình định giá và thẩm định.

2.5. Thái độ, hành vi, phẩm chất đạo đức

- Có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt và có ý thức phục vụ nhân dân.

- Có thái độ, lòng yêu nghề và đạo đức nghề nghiệp đúng đắn, chấp hành nghiêm túc pháp luật và các quy định của tổ chức.
- Năng động, sáng tạo và cầu tiến trong công việc.
- Ý thức được sự cần thiết phải thường xuyên học tập nâng cao trình độ đồng thời phát huy ý thức học tập và tự rèn luyện suốt đời.

3. Thông tin về các điều kiện đảm bảo thực hiện chương trình

3.1. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu

a) Phòng học, giảng đường, trang bị hỗ trợ giảng dạy:

Nhằm cung cấp và trang bị cho mỗi sinh viên điều kiện học tập tốt nhất, đạt chuẩn về kiến thức cũng như có thể phát huy hết những tiềm năng của mình, môi trường học tập tại trường được xây dựng một cách toàn diện với cơ sở vật chất gồm có 60 phòng làm việc phục vụ cho các hoạt động quản lý, đào tạo và nghiên cứu. Bên cạnh đó, trường có 86 phòng học, 10 phòng thí nghiệm, 10 phòng (xưởng) thực hành cho các khoa chuyên ngành, 08 phòng học thực hành tin học, 02 phòng học ngoại ngữ, 01 hội trường và 02 thư viện,... với thiết lập một môi trường tích cực và an toàn để giúp mỗi sinh viên có cơ hội tham gia các hoạt động văn hóa – giáo dục, hoạt động xã hội một cách sáng tạo và có cơ hội phát triển bản thân một cách toàn diện.

b) Phòng thí nghiệm, cơ sở thực hành và trang thiết bị phục vụ thí nghiệm, thực hành:

Trường có các cơ sở vật chất phục vụ cho công tác đào tạo giáo dục, cụ thể 10 phòng thực hành cho các khoa chuyên ngành, 08 phòng học thực hành tin học, 02 phòng học ngoại ngữ, 01 hội trường và 02 thư viện. Tất cả các điều này nhằm tạo cho sinh viên một môi trường học tập, nghiên cứu chuyên nghiệp

c) Thông tin thư viện:

STT	Tên	Số lượng
1	Số phòng đọc	02
2	Số chỗ ngồi đọc	150
3	Số máy tính của thư viện	40

4	Số lượng đầu sách, tạp chí, e-book, cơ sở dữ liệu trong thư viện (đầu sách, tạp chí)	8.400
5	Số thư viện điện tử liên kết ngoài trường	02

d) Danh mục giáo trình phục vụ đào tạo ngành

Học phần	Giáo trình	Tham khảo
Pháp luật đại cương	Giáo trình Pháp luật đại cương, NXB Giáo dục, Bộ GDĐT	Giáo trình Pháp luật đại cương, Nguyễn Hợp Toàn, ĐH KTQG
Anh Văn 1	Grand Trew (2013). Tactics for the Toeic test Listening and Reading Test: Introductory Course, Oxford University Press	1. Lin Lougheed (2010). Preparation series for the New Toeic Test: Introductory Course, Fourth edition, Longman 2. Anne Taylor (2015). TOEIC Analyst. Second edition. NXB Tổng hợp TP. HCM
Toán cao cấp 1	Nguyễn Đình Trí, Toán cao cấp tập1, NXB Giáo dục	1. Khu Quốc Anh, Đại số tuyến tính và hình học giải tích, NXB ĐHQG Hà Nội 2. Khu Quốc Anh, Bài tập Đại số tuyến tính và hình học giải tích, NXB ĐHQG Hà Nội
Triết học Mác - Lênin	Bộ Giáo dục và Đào tạo, Giáo trình triết học Mác - Lênin, NXB Chính trị quốc gia, 2021	1. Đảng Cộng sản Việt Nam, văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, nxb Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2021 2. Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình Quốc gia, Giáo trình triết học Mác - Lênin (Tái bản có sửa chữa, bổ sung), NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2010
Tâm lý học quản trị	1. Nguyễn Hữu Thụ (2015). Tâm lý học quản trị kinh doanh. NXB ĐH Quốc gia Hà nội. 2. Nguyễn Bá Dương - Đức Uy (2017). Giáo trình Tâm lý học kinh doanh. NXB Thống kê.	1. Trương Quang Niệm (2015). Tâm lý quản trị, NXB Thống kê. 2. Nguyễn Đình Xuân (2006). Tâm lý học Quản trị kinh doanh. NXB Chính trị quốc gia.
Tối ưu hóa trong kinh doanh	1. Nguyễn Hải Thanh, Các phương pháp toán kinh tế, TRường Đại Học Nông Nghiệp Hà Nội, 2008 2. Giovanni P. Crespi; Angelo Guerraggio; Matteo RoccaEnrico Miglierina, Optimization in	1. Nguyễn Hải Thanh, Các phương pháp toán kinh tế, TRường Đại Học Nông Nghiệp Hà Nội, 2008 2. Giovanni P. Crespi; Angelo Guerraggio; Matteo RoccaEnrico Miglierina,

	Economics, Finance and Industry, 2002	Optimization in Economics, Finance and Industry, 2002
Nguyên lý thống kê kinh tế	Hà Văn Sơn (2011). Giáo trình nguyên lý thống kê kinh tế. NXB Thống kê	1. Trần Thị Kim Thu (2016). Giáo trình lý thuyết thống kê. NXB đại học kinh tế quốc dân 2. Nguyễn Trần Quế, Vũ Mạnh Hà (2014). Giáo trình thống kê kinh tế. NXB Đại học quốc gia Hà Nội
Anh Văn 2	Grand Trew (2013). Tactics for the Toeic test Listening and Reading Test: Introductory Course, Oxford University Press	1. Lin Lougheed (2010). Preparation series for the New Toeic Test: Introductory Course, Fourth edition, Longman 2. Anne Taylor (2015). TOEIC Analyst. Second edition. NXB Tổng hợp TP. HCM
Kinh tế chính trị Mác - Lênin	Bộ Giáo dục và Đào tạo, Giáo trình Kinh tế chính trị Mác - Lênin, NXB Chính trị Quốc gia, 2021	1. Robert B.Ekelund, JR và Robert F.Hebert (2023). Lịch sử các học thuyết kinh tế, bản tiếng Việt, NXB Thống kê 2. C. Mác - Ph. Ăngghen. Toàn tập, tập 20, tập 23, NXB Chính trị Quốc gia, 1994
Kinh tế vi mô	Mankiw, N. G. (1997). Kinh tế Vi mô. Thống kê.	1. Robert S.Pindyck, Daniel L.Rubinfeld (1999). Kinh tế học vi mô. NXB Thống kê Hà Nội. 2. Nguyễn Như Ý, Trần Thị Bích Dung, Trần Bá Thọ và Nguyễn Hoàng Bảo (2019). Kinh tế học vi mô. NXB Kinh tế Tp. Hồ Chí Minh
Kinh tế vĩ mô	Mankiw, N. G. (2020). Kinh tế vĩ mô (Trường ĐH Kinh tế dịch). NXB Hồng Đức.	1. Nguyễn Như Ý & ctv (2014). Kinh tế vĩ mô, NXB Kinh tế TP. Hồ Chí Minh. 2. Nguyễn Như Ý & ctv (2014). Tóm tắt – Bài tập – Trắc nghiệm Kinh tế vĩ mô. NXB Kinh tế TP. Hồ Chí Minh.
Kỹ năng giao tiếp, thuyết trình căn bản	Alison Lester (Dương Nhã Vân dịch) (2018). Kỹ năng thuyết trình hiệu quả. NXB Lao Động	1. Theobald, E. J., (Thành Khanh, Diễm Quỳnh dịch) (2018). Nâng cao kỹ năng thuyết trình. NXB Hồng Đức 2. Sicola, L. (Dương Hậu dịch) (2019). Kỹ năng thuyết trình chuyên nghiệp. NXB Công Thương

Xác suất thống kê	<p>1. Hoàng Ngọc Nhậm, Lý thuyết xác suất và thống kê, NXB Thống kê</p> <p>2. Lê Khánh Luận và Nguyễn Thanh Sơn, Lý thuyết xác suất và thống kê, nxb Tổng hợp TP HCM</p>	<p>1. Hoàng Ngọc Nhậm, Bài tập Lý thuyết xác suất và thống kê, NXB Thống kê</p> <p>2. Lê Khánh Luận và Nguyễn Thanh Sơn, Bài tập lý thuyết xác suất và thống kê, nxb Tổng hợp TP HCM</p>
Toán cao cấp 2	<p>Nguyễn Đình Trí, Toán cao cấp tập 2, NXB Giáo dục</p>	<p>1. Nguyễn Đình Trí, Bài tập Toán cao cấp tập 2, NXB Giáo dục</p> <p>2. Nguyễn Huy Hoàng, Toán cao cấp, NXB Giáo dục</p>
Tài chính - tiền tệ	<p>1. Nguyễn Văn Luân, Trần Viết Hoàng, Cung Trần Việt (2007). Các nguyên lý tiền tệ ngân hàng và thị trường tài chính. NXB ĐHQG TP. HCM</p> <p>2. Frederic S. Mishkin (2015). Tiền tệ, ngân hàng và thị trường tài chính, bản dịch tiếng Việt. NXB ĐH Kinh tế quốc dân</p>	<p>1. Frederic S. Mishkin, The economics of money, banking and financial markets, 10th edition.</p> <p>2. Peter Rose, Money and capital markets, 10th edition.</p>
Kinh tế lượng	<p>1. Hoàng Ngọc Nhậm (CB) (2008). Giáo trình Kinh tế lượng. NXB Lao động – Xã hội</p> <p>2. Nguyễn Thị Ngọc Thanh (CB) (2013). Bài tập Kinh tế lượng với sự trợ giúp của Eviews. NXB ĐH Kinh tế TP.HCM</p>	<p>1. Phạm Chí Cao, Vũ Minh Châu (2009). Kinh tế lượng ứng dụng, NXB Thống kê</p> <p>2. Nguyễn Quang Dong, Nguyễn Thị Minh (2013). Kinh tế lượng, NXB ĐH Kinh tế Quốc dân</p>
Nguyên lý kế toán	<p>Bộ môn Nguyên lý kế toán (2015). Giáo trình Nguyên lý kế toán (tái bản lần 5). NXB Kinh tế TP. Hồ Chí Minh.</p>	<p>1. Võ Văn Nhị (2014). Nguyên lý kế toán Tóm tắt lý thuyết – Bài tập. NXB Kinh tế TP. Hồ Chí Minh</p> <p>2. M.N. Arora, K.V. Achalapathi & S.Brinda (2013). Financial Accounting (B.Com-Ist Year). 1st Edition.</p>
Kỹ năng tư duy và lập kế hoạch	<p>Alison Lester (Dương Nhã Vân dịch) (2018). Kỹ năng thuyết trình hiệu quả. NXB Lao Động</p>	<p>1. Theobald, E. J., (Thành Khanh, Diễm Quỳnh dịch) (2018). Nâng cao kỹ năng thuyết trình. NXB Hồng Đức</p> <p>2. Sicola, L. (Dương Hậu dịch) (2019). Kỹ năng thuyết trình chuyên nghiệp. NXB Công Thương</p>
Anh văn chuyên ngành	<p>1. Cotton D., Falvey D. and Kent S., (2002. Market Leader - Pre-Intermediate Business English</p>	<p>1. Seligson P. and Oxenden C., (1996). American English File. Oxford University Press, 1996.</p> <p>2. Barard R. and Cady J.,</p>

	Course. Pearson Education Limited	(2000). Business Venture. Oxford University Press.
Phân tích dữ liệu môi trường		
Phân tích định lượng	1. Hoàng Trọng và Chu Nguyễn Mộng Ngọc tập 1. (2008). Phân tích dữ liệu nghiên cứu với SPSS. Nhà xuất bản Hồng Đức: HCM. [2].Hoài, N.T.Bình,P.T& Duy, N.K. (2009). Dự báo và phân tích dữ liệu trong Kinh tế và Tài chính, NXB Thống kê.	1. Gujarati, D.(2009).Basic Econometrics, 5th Edition, McGraw-Hill. 2. Hair, Jr.J.F., Black, W.C., Babin, B.J., Anderson, R.E. & Tatham,R.L. (2006).Multivariate Data Analysis. 6th Edition. Pearson Prentice Hall
Thuế và chính sách thuế	1. Principles of Taxation for Business and Investment Planning 2011 Jones Rhoades-Catanach 14th Edition Solutions Manual	1. Alan Melville (2005) "Taxation, Finance Act 2005" Prentice Hall 2. Parthasarathi Shome (1995). Tax policy Handbook
Tư tưởng Hồ Chí Minh	Hội đồng Trung Ương chỉ đạo biên soạn giáo trình các môn Lý luận chính trị: giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2021	1. Phạm Văn Đồng: Hồ chí Minh tinh hoa và khí phách dân tộc, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2012
Quản trị học	Tập thể tác giả Trường Đại học Kinh tế Tp.HCM (2015), Quản trị học. Nhà xuất bản Kinh tế Tp.HCM	1. Koontz, H., & Odonnell, C., Weirich, H. (1998). Những vấn đề cốt yếu của quản lý.Nhà xuất bản Khoa học Kỹ thuật Hà Nội 2. Stephen P. Robbins, Mary Coulter, Management (2010). Pearson Education. (11th Edition)
Kế toán tài chính	1. Khoa kế toán Bộ môn Nguyên lý kế toán (2015). Kế toán tài chính quyển 1. NXB Kinh tế TP. Hồ Chí Minh, tái bản lần 4 2. Khoa kế toán Bộ môn Nguyên lý kế toán (2015). Kế toán tài chính quyển	1. Khoa kế toán Bộ môn Nguyên lý kế toán (2015). Kế toán tài chính quyển 3, NXB Kinh tế TP. Hồ Chí Minh, tái bản lần 4 2. Khoa kế toán Bộ môn Nguyên lý kế toán (2012). Bài tập và bài giải Kế toán tài chính. NXB Phương Đông
Kinh tế phát triển	1. Nguyễn Trọng Hoài (2013), Kinh tế phát triển, NXB Lao động 2. Maicolm Gillis & các tác giả (1990): Kinh tế học của sự phát triển. 2 tập. Viện Nghiên cứu Quản lý Kinh tế Trung ương.	1. Holger Rogall (2011): Kinh tế học bền vững. NXB khoa học tự nhiên và công nghệ, Hà nội, 2011. 2. Vũ Thị Ngọc Phùng (Chủ biên, 2010): Giáo trình Kinh tế

		học phát triển. NXB Thống Kê Thành phố Hồ Chí Minh 2010
Kinh tế công	<p>1. Trần Viết Hoàng, Nguyễn Châu Thoại, Lê Thị Xoan - Kinh tế công cộng (2017). NXB Đại Học TNMT Tp. HCM</p> <p>2. Joseph E. Stiglitz (1995) Kinh Tế học công cộng, bản dịch tiếng việt của NXB Khoa học và Kỹ thuật</p>	<p>1. Vũ Cương, Phạm Văn Vận (2013). Giáo Trình Kinh Tế Công Cộng. NXB Đại Học Kinh Tế Quốc Dân</p> <p>2. Sử Đình Thành, Bùi Thị Mai Hoài (2009). Tài Chính Công. NXB Lao động xã hội</p>
Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, dành cho SV khối không chuyên Mác Lê Nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, lịch sử Đảng, NXB Chính trị quốc gia 2021	<p>1. Đảng Cộng Sản Việt Nam, Văn kiện Nghị quyết các Đại hội Đảng</p> <p>2. Nguyễn Trọng Phúc, Đinh Xuân Lý, Một số chuyên đề Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, nxb Chính trị Quốc gia</p>
Luật và chính sách tài nguyên môi trường	Lê Ngọc Tuấn, Giáo trình Luật và chính sách môi trường, NXB ĐHQG-HCM, 2016	<p>1. Lê Huy Bá, Nguyễn Xuân Hoàn, Võ Đình Long, Quản lý tài nguyên môi trường để phát triển bền vững, NXB ĐHQG-HCM, 2018</p> <p>2. Lê Văn Khoa, Nguyễn Ngọc Sinh, Nguyễn Tiến Dũng, Giáo trình Chiến lược và chính sách môi trường, NXB ĐHQG -Hà Nội, 2006.</p>
Quản trị tài chính	<p>1. Vũ Duy Hào, Đàm Văn Huệ (2015). Quản trị tài chính doanh nghiệp Trường đại học kinh tế quốc dân. Nhà xuất bản giao thông vận tải</p>	<p>1. Ross, Westerfield và Jaffe (2019). Tài chính doanh nghiệp Corporate Finance. NXB Kinh Tế TP. Hồ Chí Minh</p> <p>2. Vũ Duy Hào, Lưu Thị Hương (2019). Quản trị tài chính doanh nghiệp – Hệ thống câu hỏi trắc nghiệm bài tập và đáp án, Trường đại học kinh tế quốc dân. Nhà xuất bản giao thông vận tải</p>
Quản trị dự án	<p>1. Cao Hào Thi, Nguyễn Thúy Quỳnh Loan, Quản lý dự án, NXB ĐHQG TPHCM, 2011</p> <p>2. Từ Quang Phương, Giáo trình Quản lý dự án đầu tư, Đại học Kinh tế Quốc dân, NXB Lao động Xã hội</p>	<p>1. Trịnh Thùy Anh, Quản trị dự án, Đại học Mở Tp. HCM</p> <p>2. Joseph Heagney, 2012, Quản trị dự án – Những nguyên tắc căn bản. Bản dịch của NXB Lao động – Xã hội</p>
Kinh tế quốc tế	Giáo trình Kinh tế quốc tế, Hoàng Vĩnh Long, NXB ĐHQG TP. HCM 2006	Kinh tế quốc tế, Đỗ Đức Bình; Nguyễn Thường Lạng. NXB Thống kê, 2009.

Kinh tế môi trường	Kinh tế Môi trường. Tài liệu hướng dẫn giảng dạy. Chương trình Kinh tế và Môi trường Đông Nam Á EESEPA. 2005	Hoàng Xuân Cơ, Giáo trình Kinh tế Môi trường, Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam, 2010
Kiểm toán môi trường	Tài liệu bài giảng của giảng viên giảng dạy trực tiếp.	Võ Đình Long, giáo trình Kiểm toán môi trường, NXB Đại học Công nghiệp TPHCM.
Thẩm định giá	1. Bộ tiêu chuẩn thẩm định giá Việt Nam 2. Đoàn Văn Trường (2007). Tuyển tập các phương pháp thẩm định giá trị tài sản. NXB Khoa học và kỹ thuật	Nguyễn Thế Phụng (2011). Giáo trình thẩm định giá bất động sản. ĐH Tài Chính Marketing. NXB Phương Đông
Cơ sở khoa học môi trường	1. Lê Văn Khoa (2002). Khoa học môi trường, NXB Giáo Dục 2. Lưu Đức Hải (2001). Cơ sở khoa học môi trường. NXB ĐHQG HN	1. Lê Văn Thăng (2009). Giáo trình Khoa học môi trường đại cương, ĐH KH Huế 2. Lâm Minh Triết, Huỳnh Thị Minh Hằng (2008). Con người và môi trường. NXB ĐHQG TP.HCM
Kinh tế tài nguyên đất	1. Lê Đình Thắng (2002). Nguyên lý thị trường nhà đất. NXB Chính trị Quốc gia. 2. Ngô Đức Cát (2000). Giáo trình kinh tế tài nguyên đất. NXB Nông nghiệp.	Phạm Ngọc Côn (1999). Kinh tế học đô thị. NXB Khoa học và Kỹ thuật.
Kinh tế tài nguyên nước	1. Nguyễn Bá Uân, Ngô Thị Thanh Vân (2006). Giáo trình kinh tế thủy lợi, Nhà xuất bản Xây dựng Hà Nội 2. Hà Văn Khôi (2005). Giáo trình quy hoạch và quản lý nguồn nước. NXB Nông Nghiệp, Hà Nội	1. Nguyễn Thị Phương Loan (2005). Giáo trình tài nguyên nước, NXB Đại học quốc gia, Hà Nội 2. Hà Văn Khôi, Lê Đình Thành, Ngô Lê Long (2005). Giáo trình Quy hoạch và phân tích hệ thống tài nguyên nước, Trường Đại học Thủy lợi. NXB Giáo Dục
Kinh tế tài nguyên rừng	1. Bùi Minh Vũ (2001). Giáo trình kinh tế lâm nghiệp. NXB Thống kê	1. Luật Bảo vệ và phát triển rừng năm 2004. 2. Bộ Nông nghiệp và PTNT, 2006. Chiến lược phát triển lâm nghiệp giai đoạn 2006-2020.
Kinh tế biển và hải đảo	1. Phạm Văn Giáp (2002). Biển và Cảng Biển thế giới. NXB Xây Dựng 2. Phùng Ngọc Dĩnh (2002). Tài	Bùi Tất Thắng (2007), Chiến lược kinh tế biển: cách tiếp cận và những nội dung chính, Viện Khoa Học xã hội Việt Nam.

	nguyên biển Đông Việt Nam	
Kinh tế tài nguyên thủy sản	1. Lê Xuân Sinh. Giáo trình kinh tế thủy sản: dành cho sinh viên chuyên ngành nuôi trồng thủy sản. Trường đại học Cần Thơ. 2005	1. Vũ Đình Thắng. Giáo trình kinh tế thủy sản. Trường Đại học Kinh tế quốc dân Hà Nội. 2005. 2. Luật thủy sản
Kinh tế ô nhiễm	1. Field, B., and Martha Field, Environmental Economics: Introduction, 7nd ed, McGraw-Hill Ryerson Ltd.,2016. 2. Scott J. Callan & Janet M. Thomas. Environmental Economics and Management: Theory, Policy, and Application. 6thed, Thompson South-Western, 2016.	Richard C. Porter. The Economics of Waste, Resources for the Future Press, Washington, DC, 2002
Mô hình kinh tế	1. Nguyễn Khắc Minh, Mô hình toán kinh tế, NXB ĐH Kinh tế quốc dân, 1995 Hoàng Đình Tuấn, Lý thuyết mô hình toán kinh tế. NXB Khoa học và Kỹ thuật, 2006	Chiang A.C, Fundamental Methods of Mathematical Economics, 4th edition, McGraw-Hill, 2006
Phân tích lợi ích - chi phí	1. Campbell, H., and Brown, R (2003), Benefit-Cost Analysis: Financial and Economic Appraisal Using Spreadsheets	1. Đỗ Anh Tài (2009), Giáo trình Phân tích số liệu thống kê, NXB KH và KT, Hà Nội. 2. Phùng Thanh Bình, Trương Đăng Thụy (2004), “Bài tập phân tích lợi ích chi phí”, Trường ĐH Kinh tế TP.HCM, TP HCM.
Đề án chuyên ngành Kinh tế	1. Barry C. Field và Nancy Olewiler, Environmental Economic, (Kinh tế môi trường), Tái bản lần 2, Canada, 2005 (Bản dịch của EEPSEA và UEH) 2. R. Kerry et all (1996). Kinh tế môi trường, Tài liệu giảng dạy Kinh tế tài nguyên và môi trường, chương trình Kinh tế và Môi trường Đông Nam Á (EEPSEA)	1. Bộ môn Kinh tế Tài nguyên & Môi trường- ĐHQG, Nhập môn Phân tích Lợi ích chi phí, Đại học Quốc gia Tp.HCM, 2003 2. Elgar, E. (2009). International Handbook on the Economics of Energy.
Đánh giá tác động môi trường	1. Nguyễn Văn Phước, Nguyễn Thị Vân Hà (2011). Giáo trình Quản lý chất lượng môi trường. NXB xây dựng	2. Phạm Ngọc Hồ, Hoàng Xuân Cơ (2000). Giáo trình Đánh giá tác động môi trường, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội

Quản lý tài nguyên thiên nhiên	Donald W. Sparling (2014). Natural Resource Administration: Wildlife, Fisheries, Forests and Parks. Academic Press, Elsevier	Lê Văn Khoa (2002). Khoa học môi trường. NXB Giáo dục Lê Thanh Mai (2009). Môi trường & con người. NXB: ĐH Quốc gia Tp.HCM.
Định giá tài nguyên môi trường	1. Nguyễn Thế Chinh, Lượng giá thiệt hại kinh tế do ô nhiễm, suy thoái môi trường. NXB Chính Trị Quốc Gia, 2013 2. Katherine Bolt và cộng sự, Estimating the cost of environmental degradation. WorldBank, 2005	1. Batemen J, Economic valuation with state preference techniques: a manual. Edward Elgar Publishinh, London, 2003 2. Frank A.Ward & Diana Beal, Valuing nature with Travel cost models. Edward Elgar Publishing, Cheltenham, UK, 2000
Kinh tế biến đổi khí hậu	Nicholas Stern (2007) The Economics of Climate Change: Stern Review, Cambridge	1. Trần Hữu Thực & nhóm tác giả (2012). Tác động của BĐKH đến tăng trưởng và phát triển kinh tế ở Việt Nam. NXB Thống kê 2. LEO DOBES (2014). The Economics of Global Climate Change: A Historical Literature Review. Review of Economics, No.65.
Kinh tế xử lý chất thải	1. Nguyễn Đình Hương (2007). Giáo trình kinh tế chất thải. Nhà xuất bản giáo dục. 2. Đỗ Thị Lan (2016). Giáo trình kinh tế chất thải. Giáo trình nội bộ ĐHNL	1. Field B. and Olewiler N. (2005). Kinh tế môi trường. Dịch từ tiếng Anh. Nhóm dịch thuật của tổ chức EEPSEA, 2005. 2. Giới thiệu cơ bản về kinh tế môi trường. R. Kerry Turner, David Pearce & Ian Bateman:
Kinh tế khoáng sản	1. Kazdam A.B, Kobahize P.P. (1976). Đánh giá kinh tế địa chất các mỏ khoáng sản trong giai đoạn thăm dò, Moscow 2. Đỗ Hữu Tùng (2000). Đánh giá kinh tế mỏ-địa chất-dầu khí	1. Đồng Văn Nhi. Các phương pháp đánh giá kinh tế địa chất trong giai đoạn tìm kiếm, đánh giá – Tạp chí kinh tế địa chất và nguyên liệu khoáng sản số 21, 1999
Kinh tế năng lượng tái tạo	Hồ Sĩ Thoảng và Trần Mạnh Trí (2009). Năng lượng cho thế kỷ 21: những thách thức và triển vọng. NXB Khoa học và kỹ thuật	1. Joanne Evans and Lester C. Hunt (2009), International Handbook on the Economics of Energy, Edward Elgar, Cheltenham, UK • Northampton, MA, USA

		2. Barry C. Field và Nancy Olewiler (2005), Environmental Economic, (Kinh tế môi trường), Tái bản lần 2, Canada, 2005 (Bản dịch của EEPSEA và UEH)
--	--	--

3.2. Danh sách giảng viên tham gia chương trình đào tạo

Với đội ngũ giảng viên cơ hữu và giáo viên thỉnh giảng có trình độ, có kinh nghiệm giảng dạy, có thâm niên trong nghề; Các giảng viên cơ hữu hầu hết đều đã tốt nghiệp thạc sĩ và có tinh thần trách nhiệm cao, nhiệt tình trong giảng dạy.

DANH SÁCH GIẢNG VIÊN/ĐƠN VỊ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Giảng viên/Bộ môn/đơn vị phụ trách
1	12111010	Triết học Mác - Lênin	3	Khoa LLCT
2	12111003	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	Khoa LLCT
3	12111014	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	Khoa LLCT
4	12111011	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	Khoa LLCT
5	12121001	Pháp luật đại cương	2	Khoa LLCT
6	11131006	Anh văn 1	3	BM Tiếng Anh
7	11131002	Anh văn 2	3	BM Tiếng Anh
8	11111008	Toán cao cấp 1	2	BM Toán
9	11111009	Toán cao cấp 2	2	BM Toán
10	11111011	Xác suất thống kê	2	BM Toán
11	18011050	Kỹ năng giao tiếp và thuyết trình căn bản	2	BM KH Quản lý kinh tế
12	18011051	Kỹ năng tư duy và lập kế hoạch	2	BM KH Quản lý kinh tế
13	18011052	Kỹ năng giao tiếp công sở	1	BM KH Quản lý kinh tế
14	200015005	Thể dục (*)	1	BM GDTC
15	200015002	Bóng chuyền (*)	1	BM GDTC
16	200015003	Cầu lông (*)	1	BM GDTC
17	200015001	Đá cầu (*)	1	BM GDTC
18	200015004	Điền kinh (*)	1	BM GDTC
19	20111001	Giáo dục quốc phòng (*)	8	TTGDQP QK7
20	14011002	Môi trường và con người	2	Khoa Môi trường
21	18111002	Tâm lý học quản trị	2	BM KH Quản lý kinh tế
22	1811053	Tối ưu hoá trong kinh doanh	2	BM Kinh tế
23	18031020	Nguyên lý thống kê kinh tế	2	BM Kinh tế
24	18021001	Kinh tế vi mô	3	BM Kinh tế
25	18021002	Kinh tế vĩ mô	3	BM Kinh tế
26	18111095	Marketing căn bản	3	BM KH Quản lý kinh tế
27	18021105	Nguyên lý kế toán	3	BM KH Quản lý kinh tế
28	18021020	Tài chính - Tiền tệ	3	BM Kinh tế
29	18021210	Kinh tế lượng	3	BM Kinh tế
30	18031031	Kinh tế công	3	BM Kinh tế
31	18031002	Kinh tế môi trường	3	BM Kinh tế
32	18011049	Quản trị học	3	BM KH Quản lý kinh tế

33	18031070	Anh văn chuyên ngành	2	BM Kinh tế
34	18031032	Phân tích dữ liệu môi trường	2	BM Kinh tế
35	18021127	Phân tích định lượng	2	BM Kinh tế
36	14011004	Sinh thái học	2	Khoa Môi trường
37	17011003	Hệ thống thông tin địa lý GIS	2	Khoa Viễn thám
38	14011007	Ứng dụng GIS và viễn thám môi trường	2	Khoa Viễn thám
39	14011017	Công nghệ sản xuất sạch hơn	2	Khoa Môi trường
40	18021031	Thuế và chính sách thuế	2	BM Kinh tế
41	18031014	Du lịch sinh thái	2	BM Kinh tế
42	18021036	Kiểm toán môi trường	3	BM KH Quản lý kinh tế
43	18041022	Luật và chính sách tài nguyên môi trường	2	Khoa LLCT
44	18031004	Định giá tài nguyên môi trường	3	BM Kinh tế
45	18011036	Quản trị tài chính	3	BM Kinh tế
46	18021021	Kế toán tài chính	3	BM KH Quản lý kinh tế
47	18031021	Kinh tế quốc tế	3	BM Kinh tế
48	18031056	Kinh tế phát triển	3	BM Kinh tế
49	14011003	Cơ sở khoa học môi trường	2	Khoa Môi trường
50	18011045	Quản trị dự án	3	BM Kinh tế
51	18031033	Đề án chuyên ngành Kinh tế	2	BM Kinh tế
52	18031005	Kinh tế tài nguyên đất	2	BM Kinh tế
53	18031006	Kinh tế tài nguyên nước	2	BM Kinh tế
54	18031036	Kinh tế tài nguyên rừng	2	BM Kinh tế
55	18031050	Kinh tế biển và hải đảo	2	BM Kinh tế
56	18031038	Kinh tế tài nguyên thủy sản	2	BM Kinh tế
57	18031007	Kinh tế ô nhiễm	2	BM Kinh tế
58	14011026	Đánh giá tác động môi trường	2	BM Kinh tế
59	18031041	Mô hình kinh tế	2	BM Kinh tế
60	18031082	Quản lý tài nguyên thiên nhiên	2	BM Kinh tế
61	18021018	Phân tích lợi ích - chi phí	2	BM Kinh tế
62	18021040	Thẩm định giá	2	BM Kinh tế
63	18031049	Thống kê môi trường	2	BM Kinh tế
64	14021071	Công nghệ tài nguyên môi trường	2	Khoa Môi trường
65	18031043	Kinh tế biến đổi khí hậu	2	BM Kinh tế
66	18031044	Kinh tế xử lý chất thải	2	BM Kinh tế
67	18031045	Kinh tế khoáng sản	2	BM Kinh tế
68	18031046	Kinh tế năng lượng tái tạo	2	BM Kinh tế
69	18031047	Thực tập tốt nghiệp	4	BM Kinh tế
70	18011038	Khóa luận tốt nghiệp	8	BM Kinh tế

4. Phương pháp giảng dạy, học tập

Học tập chủ động, lấy người học làm trung tâm, kết hợp lý thuyết và thực hành thông qua các hoạt động dạy và học đa dạng như thuyết trình, thảo luận, nghiên cứu tình huống... nhằm tăng cường khả năng tự học của sinh viên, nâng cao kiến thức và nghiệp vụ chuyên môn, phát triển kỹ năng mềm cần thiết cho hoạt động nghiên cứu và phát triển nghề nghiệp, phương châm học tập suốt đời.

4.1. Chuẩn bị của giảng viên

- Giảng viên giảng dạy chương trình cử nhân/ kỹ sư cần trang bị những kinh nghiệm dạy học khác nhau:

- Nắm rõ các dạng học phần mà mình tham gia giảng dạy (học phần lý thuyết hay thực hành, học phần bắt buộc, học phần tự chọn hay học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp;

- Nắm rõ các phương pháp dạy học (dạy học liên môn, dạy học tích hợp, nhóm);

- Hiểu rõ sinh viên trong lớp (sinh viên năm nhất, năm hai, ... năm cuối);

- Hiểu rõ về các chính sách trong học tập;

- Giảng viên cần chuẩn bị giáo trình, bài giảng, đề cương chi tiết học phần, các slide trình chiếu, lịch trình dạy học, kế hoạch dạy học và thông báo cho sinh viên..

4.2. Các phương pháp giảng dạy – học tập

Phương pháp giảng dạy – học tập của chương trình đào tạo ngành Kinh tế tài nguyên và thiên nhiên được thực hiện theo các định hướng sau đây:

- a) Phát huy tích cực, chủ động, sáng tạo của sinh viên; tránh áp đặt một chiều, ghi nhớ máy móc; tập trung bồi dưỡng năng lực tự chủ và tự học để sinh viên có thể tiếp tục tìm hiểu, mở rộng vốn tri thức, tiếp tục phát triển các phẩm chất, năng lực sau khi tốt nghiệp.

b) Rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức đã học để phát hiện và giải quyết các vấn đề trong thực tiễn; khuyến khích và tạo điều kiện cho sinh viên được trải nghiệm, sáng tạo trên cơ sở tổ chức cho sinh viên tham gia các hoạt động học tập, tìm tòi, khám phá, vận dụng

c) Vận dụng các phương pháp dạy học một cách linh hoạt, sáng tạo, phù hợp với mục tiêu, nội dung giáo dục, đối tượng sinh viên và điều kiện cụ thể. Tùy theo yêu cầu cần đạt, giảng viên có thể sử dụng phối hợp nhiều phương pháp dạy học khác nhau.

d) Các phương pháp dạy học truyền thống (thuyết trình, đàm thoại,...) được sử dụng theo hướng phát huy tích cực, chủ động của sinh viên. Tăng cường sử dụng các phương pháp dạy học đề cao vai trò chủ thể học tập của sinh viên (dạy học thực hành, dạy học nêu và giải quyết các vấn đề, dạy học theo trải nghiệm, dạy học bằng tình huống,... với những kỹ thuật dạy học phù hợp).

e) Các hình thức tổ chức dạy học được thực hiện một cách đa dạng và linh hoạt kết hợp các hình thức cá nhân, học nhóm, học ở giảng đường, học theo dự án học tập, tự học,.. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong dạy học. coi trọng các nguồn học liệu là giáo trình chính và tài liệu tham khảo đã được giảng viên trang bị; cần khai thác triệt để những lợi thế của công nghệ thông tin và truyền thông trong dạy học trên các phương tiện kho tri thức - đa phương tiện, tăng cường sử dụng các tư liệu điện tử.

4.3. Cải tiến, nâng cao chất lượng dạy học

- Chương trình đào tạo được định kỳ rà soát định kỳ 2 năm/1 lần để điều chỉnh cho tốt hơn, và có tham khảo ý kiến của các bên liên quan.

- Có nhiều hình thức giúp đỡ hỗ trợ sinh viên yếu trong việc học, đồng thời tăng cường thời gian làm bài tập, thực hành, thực tập, rèn luyện nghiệp vụ sư phạm.

- Mỗi học kỳ, các bộ môn, khoa xây dựng kế hoạch dự giờ giảng viên, đặc biệt là giảng viên trẻ để trao đổi chia sẻ kiến thức, phương pháp giảng dạy, nâng cao năng lực giảng dạy của giảng viên.

- Các học phần của chương trình đào tạo đều được thường xuyên lấy ý kiến phản hồi của sinh viên về phẩm chất, tài năng, tâm, đức, trách nhiệm của giảng viên phụ trách học phần.

5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

Tuân theo Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành theo **Quyết định số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15 tháng 5 năm 2014** của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và theo Quy chế đào tạo Đại học và Cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành theo **Quyết định số../QĐ-.... ngày tháng năm 2016** của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh đã được sửa đổi và bổ sung.

6. Thang điểm: thang điểm 4 và thang điểm chữ: A+, A, B+, B, C+, C, D+, D, F theo Quy chế đào tạo Đại học và Cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành theo Quyết định của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh.

7. Nội dung chương trình đào tạo:

Chương trình đào tạo hệ đại học ngành Kinh tế tài nguyên thiên nhiên bao gồm 2 khối kiến thức: Giáo dục đại cương và Giáo dục chuyên nghiệp.

7.1. Khối lượng kiến thức toàn khóa: 134 TC (Không tính các học phần GDTC, QPAN).

a. Khối kiến thức giáo dục đại cương: 29 TC.

+ *Bắt buộc: 25 TC.*

+ *Tự chọn: 4 TC.*

b. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 105 TC.

- Kiến thức cơ sở ngành: 38 TC.

+ *Bắt buộc: 30 TC.*

+ *Tự chọn: 8 TC.*

- Kiến thức chuyên ngành (trừ tốt nghiệp): 55 TC.

+ *Bắt buộc: 49 TC.*

+ *Tự chọn: 6 TC.*

- Kiến thức tốt nghiệp: 12 TC.

+ Thực tập tốt nghiệp: 4 TC

+ Khóa luận tốt nghiệp: 8 TC.

+ Hoặc các học phần thay thế DATN: 0 TC.

7.2. Khung chương trình đào tạo:

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	LT	TH/TN	BTL	ĐA	TT	LV	Học kỳ	HP học trước
I. KHỐI GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG			29								
• <i>Các học phần bắt buộc</i>			25								
1	12111010	Triết học Mác - Lênin	3	45	0	0	0	0	0	1	
2	12111003	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	0	0	0	0	0	4	
3	12111014	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	30	0	0	0	0	0	4	
4	12111011	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	30	0	0	0	0	0	2	
5	12121001	Pháp luật đại cương	2	30	0	0	0	0	0	1	
6	11131006	Anh văn 1	3	45	0	0	0	0	0	1	
7	11131002	Anh văn 2	3	45	0	0	0	0	0	2	11131006
8	11111008	Toán cao cấp 1	2	30	0	0	0	0	0	1	
9	11111009	Toán cao cấp 2	2	30	0	0	0	0	0	2	11111008
10	11111011	Xác suất thống kê	2	30	0	0	0	0	0	2	11111008; 11111009
11	18011050	Kỹ năng giao tiếp và thuyết trình căn bản	2	20	10	0	0	0	0	2	
12	200015005	Thể dục (*)	1	6	24	0	0	0	0	1	
13	200015002	Bóng chuyền (*)	1	6	24	0	0	0	0	1	
14	200015003	Cầu lông (*)	1	6	24	0	0	0	0	1	
15	200015001	Đá cầu (*)	1	6	24	0	0	0	0	1	
16	200015004	Điền kinh (*)	1	6	24	0	0	0	0	1	
17	20111001	Giáo dục quốc phòng (*)	8							1	
• <i>Các học phần tự chọn</i>			2								
<i>Chọn ít nhất 2 tín chỉ trong các học phần tự chọn sau:</i>											
1	14011002	Môi trường và con người	2	30	0	0	0	0	0	1	
2	18011002	Tâm lý học quản trị	2	30	0	0	0	0	0	1	
3	18011053	Tối ưu hoá trong kinh doanh	2	30	0	0	0	0	0	1	
4	18031020	Nguyên lý thống kê kinh tế	2	30	0	0	0	0	0	1	
II. KHỐI KIẾN THỨC CƠ SỞ			38								
• <i>Các học phần bắt buộc</i>			30								
1	18021001	Kinh tế vi mô	3	45	0	0	0	0	0	2	
2	18021002	Kinh tế vĩ mô	3	45	0	0	0	0	0	2	18021001
3	18011095	Marketing căn bản	3	45	0	0	0	0	0	3	18021001
4	18021105	Nguyên lý kế toán	3	45	0	0	0	0	0	3	18021001; 18021002

5	18021020	Tài chính - Tiền tệ	3	45	0	0	0	0	0	3	18021001; 18021002
6	18021020	Kinh tế lượng	3	45	0	0	0	0	0	3	11111008; 11111009; 11111011
7	18031031	Kinh tế công	3	45	0	0	0	0	0	4	18021001; 18021002; 18021020
8	18031002	Kinh tế môi trường	3	45	0	0	0	0	0	5	18021001; 18021002
9	18011049	Quản trị học	3	45	0	0	0	0	0	4	18021001; 18021002; 18011095
10	18011051	Kỹ năng tư duy và lập kế hoạch	2	20	10	0	0	0	0	3	
11	18011052	Kỹ năng giao tiếp công sở	1	5	15	0	0	0	0	4	18011050
• Các học phần tự chọn (Chọn ít nhất 8 tín chỉ trong các học phần tự chọn sau)			8								
1	18031070	Anh văn chuyên ngành	2	30	0	0	0	0	0	3	11131002; 11131006
2	18031032	Phân tích dữ liệu môi trường	2	30	0	0	0	0	0	3	14011002; 18031002; 18021020
3	18021127	Phân tích định lượng	2	30	0	0	0	0	0	3	18021020; 18031020
4	14011004	Sinh thái học	2	30	0	0	0	0	0	3	
5	17011003	Hệ thống thông tin địa lý GIS	2	30	0	0	0	0	0	3	
6	14011009	Công nghệ sản xuất sạch hơn	2	30	0	0	0	0	0	3	
7	18021031	Thuế và chính sách thuế	2	30	0	0	0	0	0	3	18021001; 18021002
8	18031014	Du lịch sinh thái	2	30	0	0	0	0	0	3	
III. KHỐI KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH			55								
• Các học phần bắt buộc			49								
1	18021036	Kiểm toán môi trường	3	45	0	0	0	0	0	5	18031002
2	18041022	Luật và chính sách tài nguyên môi trường	2	30	0	0	0	0	0	4	12121001
3	18031004	Định giá tài nguyên môi trường	3	45	0	0	0	0	0	7	18031002; 18011136; 18021036
4	18011136	Quản trị tài chính	3	45	0	0	0	0	0	5	18011049; 18021020
5	18021032	Kế toán tài chính	3	45	0	0	0	0	0	4	18021021
6	18031021	Kinh tế quốc tế	3	45	0	0	0	0	0	5	18031121

7	18031056	Kinh tế phát triển	3	45	0	0	0	0	0	4	18021001; 18021002
8	14011003	Cơ sở khoa học môi trường	2	30	0	0	0	0	0	6	
9	18031005	Kinh tế tài nguyên đất	2	30	0	0	0	0	0	6	1803100 2
10	18031006	Kinh tế tài nguyên nước	2	30	0	0	0	0	0	6	1803100 2
11	18031036	Kinh tế tài nguyên rừng	2	30	0	0	0	0	0	6	18031002
12	18031050	Kinh tế biển và hải đảo	2	30	0	0	0	0	0	6	18031002
13	18031038	Kinh tế tài nguyên thủy sản	2	30	0	0	0	0	0	6	18031002
14	18031007	Kinh tế ô nhiễm	2	30	0	0	0	0	0	6	18031060
15	14011026	Đánh giá tác động môi trường	2	30	0	0	0	0	0	7	18021001; 18021002
16	18031041	Mô hình kinh tế	2	30	0	0	0	0	0	6	
17	18031082	Quản lý tài nguyên thiên nhiên	2	30	0	0	0	0	0	7	18021020; 18011136
18	18021018	Phân tích lợi ích - chi phí	2	30	0	0	0	0	0	6	18021001; 18021002
19	18021040	Thẩm định giá	2	30	0	0	0	0	0	5	18011049; 18021105; 18031004
20	18011045	Quản trị dự án	3	45	0	0	0	0	0	5	18011049
21	18031033	Đề án chuyên ngành Kinh tế	2	0	0	0	90	0	0	7	
• Các học phần tự chọn			6								
Chọn ít nhất 6 tín chỉ trong các học phần tự chọn sau:											
1	18031049	Thống kê môi trường	2	30	0	0	0	0	0	7	
2	14021071	Công nghệ tài nguyên môi trường	2	30	0	0	0	0	0	7	
3	14011007	Ứng dụng GIS và viễn thám môi trường	2	30	0	0	0	0	0	3	17011003
4	18031043	Kinh tế biến đổi khí hậu	2	30	0	0	0	0	0	7	18031002
5	18031044	Kinh tế xử lý chất thải	2	30	0	0	0	0	0	7	18031002
6	18031045	Kinh tế khoáng sản	2	30	0	0	0	0	0	7	18031002
7	18031046	Kinh tế năng lượng tái tạo	2	30	0	0	0	0	0	7	18031002
IV. THỰC TẬP VÀ KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP			12								
1	18011037	Thực tập tốt nghiệp	4	0	0	0	0	360	0	8	
2	18011038	Khóa luận tốt nghiệp	8	0	0	0	0	0	480	8	

HP có dấu (*) không tính trong tổng số tín chỉ

7. Kế hoạch giảng dạy từ năm học 2019 – 2023 – Khóa 08

Học kỳ 1:

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	LT	TH/TN	BTL	ĐA	TT	LV
1	11131006	Anh Văn 1	3	45	0	0	0	0	0
2	11111008	Toán cao cấp 1	2	30	0	0	0	0	0
3	12121001	Pháp luật đại cương	2	30	0	0	0	0	0
4	12111010	Triết học Mác - Lênin	3	45	0	0	0	0	0
5	20111001	Giáo dục Quốc phòng (*)	8						
6	200015005	Thể dục (*)	1	6	24	0	0	0	0
7	200015002	Bóng chuyền (*)	1	6	24	0	0	0	0
8	200015003	Cầu lông (*)	1	6	24	0	0	0	0
9	200015001	Đá cầu (*)	1	6	24	0	0	0	0
10	200015004	Điền kinh (*)	1	6	24	0	0	0	0
	<i>Chọn ít nhất 4 TC trong các HP tự chọn sau:</i>								
11	14011002	Môi trường và con người	2	30	0	0	0	0	0
12	18011002	Tâm lý học quản trị	2	30	0	0	0	0	0
13	18011053	Tối ưu hóa trong kinh doanh	2	30	0	0	0	0	0
14	18031020	Nguyên lý thống kê kinh tế	2	30	0	0	0	0	0
		Tổng cộng	14						

HP có dấu (*) không tính trong tổng số tín chỉ

Học kỳ 2:

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	LT	TH/TN	BTL	ĐA	TT	LV
1	11131002	Anh Văn 2	3	45	0	0	0	0	0
2	12111011	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	30	0	0	0	0	0
3	18021001	Kinh tế vi mô	3	45	0	0	0	0	0
4	18021002	Kinh tế vĩ mô	3	45	0	0	0	0	0
5	18011050	Kỹ năng giao tiếp, thuyết trình căn bản	2	20	10	0	0	0	0
6	11111011	Xác suất thống kê	2	30	0	0	0	0	0
7	11111009	Toán cao cấp 2	2	30	0	0	0	0	0
		Tổng cộng	17						

Học kỳ 3:

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	LT	TH/TN	BTL	ĐA	TT	LV
1	18011095	Marketing căn bản	3	45	0	0	0	0	0
2	18021030	Tài chính - tiền tệ	3	45	0	0	0	0	0
3	18021020	Kinh tế lượng	3	45	0	0	0	0	0
4	18021105	Nguyên lý kế toán	3	45	0	0	0	0	0

5	18011051	Kỹ năng tư duy và lập kế hoạch	2	30	0	0	0	0	0
	<i>Chọn ít nhất 8 TC trong các HP tự chọn sau:</i>								
6	18031070	Anh văn chuyên ngành	2	30	0	0	0	0	0
7	18031032	Phân tích dữ liệu môi trường	2	30	0	0	0	0	0
8	18021027	Phân tích định lượng	2	30	0	0	0	0	0
9	14011004	Sinh thái học	2	30	0	0	0	0	0
10	17011003	Hệ thống thông tin địa lý GIS	2	30	0	0	0	0	0
11	14011009	Công nghệ sản xuất sạch hơn	2	30	0	0	0	0	0
12	18021031	Thuế và chính sách thuế	2	30	0	0	0	0	0
13	14011041	Du lịch sinh thái	2	30	0	0	0	0	0
		Tổng cộng	22						

Học kỳ 4:

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	LT	TH/TN	BTL	ĐA	TT	LV
1	12111003	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	0	0	0	0	0
2	18011049	Quản trị học	3	45	0	0	0	0	0
3	18021032	Kế toán tài chính	3	45	0	0	0	0	0
4	18031056	Kinh tế phát triển	3	45	0	0	0	0	0
5	18031031	Kinh tế công	3	45	0	0	0	0	0
6	12111014	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	30	0	0	0	0	0
7	18041022	Luật và chính sách tài nguyên môi trường	2	30	0	0	0	0	0
8	18011052	Kỹ năng giao tiếp công sở	1	5	10	0	0	0	0
		Tổng cộng	19						

Học kỳ 5:

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	LT	TH/TN	BTL	ĐA	TT	LV
1	18011136	Quản trị tài chính	3	45	0	0	0	0	0
2	18011045	Quản trị dự án	3	45	0	0	0	0	0
3	18031021	Kinh tế quốc tế	3	45	0	0	0	0	0
4	18031002	Kinh tế môi trường	3	45	0	0	0	0	0
5	18021036	Kiểm toán môi trường	3	45	0	0	0	0	0
6	18021040	Thẩm định giá	2	30	0	0	0	0	0
		Tổng cộng	17						

Học kỳ 6:

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	LT	TH/TN	BTL	ĐA	TT	LV
1	14011003	Cơ sở khoa học môi trường	2	30	0	0	0	0	0
2	18031005	Kinh tế tài nguyên đất	2	30	0	0	0	0	0
3	18031006	Kinh tế tài nguyên nước	2	30	0	0	0	0	0
4	18031036	Kinh tế tài nguyên rừng	2	30	0	0	0	0	0
5	18031050	Kinh tế biển và hải đảo	2	30	0	0	0	0	0
6	18031038	Kinh tế tài nguyên thủy sản	2	30	0	0	0	0	0
7	18031007	Kinh tế ô nhiễm	2	30	0	0	0	0	0
8	18031041	Mô hình kinh tế	2	30	0	0	0	0	0
9	18021013	Phân tích lợi ích - chi phí	2	30	0	0	0	0	0
		Tổng cộng	18						

Học kỳ 7:

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	LT	TH/TN	BTL	ĐA	TT	LV
1	18031033	Đề án chuyên ngành Kinh tế	2	0	0	0	90	0	0
2	14011026	Đánh giá tác động môi trường	2	30	0	0	0	0	0
3	18031042	Quản lý tài nguyên thiên nhiên	2	30	0	0	0	0	0
4	18031004	Định giá tài nguyên môi trường	3	45	0	0	0	0	0
	<i>Chọn ít nhất 6 TC trong các HP tự chọn sau:</i>								
5	18031049	Thống kê môi trường	2	30	0	0	0	0	0
6	14021071	Công nghệ tài nguyên môi trường	2	30	0	0	0	0	0
7	14011007	Ứng dụng GIS và viễn thám môi trường	2	30	0	0	0	0	0
8	18031043	Kinh tế biến đổi khí hậu	2	30	0	0	0	0	0
9	18031044	Kinh tế xử lý chất thải	2	30	0	0	0	0	0
10	18031045	Kinh tế khoáng sản	2	30	0	0	0	0	0
11	18031046	Kinh tế năng lượng tái tạo	2	30	0	0	0	0	0
		Tổng cộng	15						

Học kỳ 8:

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	LT	TH/TN	BTL	ĐA	TT	LV
1	18011037	Thực tập tốt nghiệp	4	0	0	0	0	180	0
2	18011038	Khóa luận tốt nghiệp	8	0	0	0	0	0	360
		Tổng cộng	12						

Tổng thực hiện 8 học kỳ: 134 tín chỉ

8. Mô tả nội dung các môn học

8.1. TRIẾT HỌC MÁC – LÊNIN

2 TC

- Điều kiện tiên quyết: không
- Học phần học trước: không
- Học phần song hành: không
- Nội dung học phần: Ngoài một chương mở đầu nhằm giới thiệu khái lược về chủ nghĩa Mác – Lênin và một số vấn đề chung của môn học. Căn cứ vào mục tiêu môn học, nội dung chương trình môn học được cấu trúc thành 3 chương bao quát những nội dung cơ bản về thế giới quan và phương pháp luận của chủ nghĩa Mác – Lênin.

8.2. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

2 TC

- Điều kiện tiên quyết: không
- Học phần học trước: không
- Học phần song hành: không
- Nội dung học phần: Môn tư tưởng Hồ Chí Minh là môn học bắt buộc chung. Sau khi học xong môn học này, người học sẽ có ý thức trong việc vận dụng những giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh vào hoạt động thực tiễn. Nội dung của môn học bao gồm 8 chương trình bày những vấn đề cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh theo mục tiêu của môn học và trong mỗi chương sẽ trình bày những nội dung cơ bản theo mục tiêu của từng chương.

8.3. LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

2 TC

- Điều kiện tiên quyết: không
- Học phần học trước: không
- Học phần song hành: không
- Nội dung học phần: Là học phần bắt buộc, được giảng dạy cuối cùng trong các học phần lý luận chính trị. Học phần cung cấp những tri thức cơ bản nhất về lịch sử

Đảng Cộng sản Việt Nam. Học phần góp phần bồi dưỡng cho sinh viên về phẩm chất, đạo đức cách mạng, niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, vào sự nghiệp của dân tộc. Giúp sinh viên hiểu biết về sự ra đời và lãnh đạo đất nước của Đảng Cộng sản Việt Nam; Thực hiện những vấn đề lịch sử, kinh tế - xã hội của đất nước; Xây dựng tinh thần yêu nước, ý thức, niềm tự hào, tự tôn dân tộc, niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng.

8.4. KINH TẾ CHÍNH TRỊ MÁC – LÊNIN

2 TC

Điều kiện tiên quyết: không

- Học phần học trước: không

- Học phần song hành: không

- Nội dung học phần: Căn cứ vào mục tiêu môn học, nội dung chương trình môn học được cấu trúc thành 6 chương bao quát những nội dung cơ bản về học thuyết giá trị, giá trị thặng dư, học thuyết kinh tế CNTB độc quyền, CNTB độc quyền nhà nước, sức mạnh giai cấp công nhân và cách mạng xã hội, những vấn đề chính trị - xã hội có tính quy luật trong tiến trình cách mạng XHCN, chủ nghĩa xã hội hiện thực và triển vọng thế giới.

8.5. PHÁP LUẬT ĐẠI CƯƠNG

2 TC

- Điều kiện tiên quyết: không

- Học phần học trước: không

- Học phần song hành: không

- Nội dung học phần: Học phần giới thiệu các khái niệm, các phạm trù chung cơ bản nhất về Nhà nước và Pháp luật dưới góc độ của khoa học quản lý. Trên cơ sở đó, đi vào phân tích: Cấu trúc của bộ máy Nhà nước cũng như chức năng, thẩm quyền và địa vị pháp lý của các cơ quan trong bộ máy Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam; tính chất pháp lý và cơ cấu của hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật; nội dung cơ bản của Luật hành chính, Luật dân sự, Luật hình sự.

8.6. ANH VĂN 1

3TC

- Điều kiện tiên quyết: không

- Học phần học trước: không

- Học phần song hành: không

- Nội dung học phần: Đây là nội dung Tiếng Anh cơ bản nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về ngữ pháp, các kỹ năng giao tiếp thông dụng cùng với vốn từ vựng cần thiết cho giao tiếp và kinh doanh.

8.7. ANH VĂN 2

3 TC

- Điều kiện tiên quyết: không
- Học phần học trước: Anh Văn 1
- Học phần song hành: không

- Nội dung học phần: Đây là nội dung Tiếng Anh cơ bản nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về ngữ pháp, các kỹ năng giao tiếp thông dụng cùng với vốn từ vựng cần thiết cho giao tiếp và kinh doanh. Yêu cầu đạt trình độ trung cấp đối với những sinh viên đã hoàn tất chương trình Tiếng Anh 7 năm ở bậc trung học.

8.8. TOÁN CAO CẤP 1

2 TC

- Điều kiện tiên quyết: không
- Học phần học trước: không
- Học phần song hành: không

- Nội dung học phần: Trang bị cho sinh viên các khái niệm về tập hợp, ánh xạ, quan hệ và quan hệ thứ tự. Sinh viên nắm được các kiến thức về định thức, ma trận và lý thuyết hệ phương trình tuyến tính. Trang bị cho sinh viên khái niệm về không gian vector, hệ độc lập tuyến tính, cơ sở và số chiều không gian, ánh xạ tuyến tính và ma trận của nó, phép biến đổi tuyến tính, vector riêng và giá trị riêng. Nắm vững đường cong bậc hai và mặt bậc hai của hình học giải tích.

8.9. TOÁN CAO CẤP 2

2 TC

- Điều kiện tiên quyết: không
- Học phần học trước: Toán cao cấp 1
- Học phần song hành: không

- Nội dung học phần: Học phần cung cấp kiến thức đại cương về tập hợp, quan hệ và logic suy luận, cũng như các kiến thức cơ bản về Đại số tuyến tính và Giải tích toán học thực sự cần thiết cho việc tiếp cận với các mô hình phân tích quá trình ra quyết định trong kinh tế và quản lý: Không gian vector số học n chiều; ma trận và định thức; hệ phương trình tuyến tính; dạng toàn phương; hàm số và giới hạn; phép vi phân đối

với hàm số một biến số; hàm nhiều biến và hàm ẩn; các bài toán cực trị; phép tính tích phân; phương trình vi phân; phương trình sai phân.

8.10. XÁC SUẤT THỐNG KÊ

2 TC

- Điều kiện tiên quyết: không
- Học phần học trước: Toán cao cấp 1, 2.
- Học phần song hành: không
- Nội dung học phần: Học phần được kết cấu thành hai phần tương đối độc lập về cấu trúc nhưng có liên quan chặt chẽ về nội dung

Phần lý thuyết xác suất giới thiệu tính quy luật của các hiện tượng ngẫu nhiên.

Phần thống kê toán bao gồm các nội dung: Cơ sở lý thuyết về điều tra chọn mẫu, một phương pháp được dùng khá phổ biến trong điều tra, khảo sát các dữ liệu kinh tế và điều tra xã hội học; các phương pháp ước lượng và kiểm định giả thuyết thống kê trong nghiên cứu các vấn đề thực tế nói chung và các vấn đề kinh tế nói riêng.

8.11. KỸ NĂNG GIAO TIẾP, THUYẾT TRÌNH CĂN BẢN

2 TC

- Điều kiện tiên quyết: không
- Học phần học trước: không
- Học phần song hành: không
- Nội dung học phần: Đây là môn học trang bị kiến thức giúp cho học viên có được kiến thức và kỹ năng cơ bản về giao tiếp trong môi trường kinh doanh năng động và toàn cầu hóa, nắm được bản chất và các hình thức giao tiếp trong kinh doanh, các kỹ năng đàm phán, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng báo cáo và những công cụ quan trọng để rèn luyện và nâng cao kỹ năng giao tiếp hiệu quả trong kinh doanh.

8.12. KỸ NĂNG TƯ DUY VÀ LẬP KẾ HOẠCH

2 TC

- Điều kiện tiên quyết: không
- Học phần học trước: không
- Học phần song hành: không
- Nội dung học phần: Cung cấp những kiến thức cơ bản về kỹ năng tư duy, xác lập mục tiêu và lập kế hoạch để đạt mục tiêu; khả năng ứng dụng lý thuyết vào thực tiễn thông qua việc rèn luyện kỹ năng tư duy, lập kế hoạch cho công việc.

8.13. KỸ NĂNG GIAO TIẾP CÔNG SỞ

1 TC

- Điều kiện tiên quyết: không

- Học phần học trước: Kỹ năng giao tiếp, thuyết trình căn bản
- Học phần song hành: không
- Nội dung học phần: Nội dung chính của học phần là cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về giao tiếp trong kinh doanh, đồng thời sử dụng phương pháp thực hành và giải quyết bài tập tình huống để trang bị cho sinh viên các kỹ năng giao tiếp trực tiếp và gián tiếp trong môi trường kinh doanh. Ngoài ra, môn học còn giúp sinh viên có cái nhìn khái quát hơn về môi trường giao tiếp công sở của các nước tiên tiến trên thế giới nhằm giúp họ đạt hiệu quả cao trong quá trình thuyết phục và đàm phán với đối tác.

8.14. GIÁO DỤC THỂ CHẤT – ĐÁ CẦU

1 TC

- Điều kiện tiên quyết: không
- Học phần học trước: không
- Học phần song hành: không
- Nội dung học phần: Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức về môn đá cầu như lịch sử phát triển, kỹ thuật cơ bản cách chơi và luật thi đấu

8.15. GIÁO DỤC THỂ CHẤT – BÓNG CHUYỀN

1 TC

- Điều kiện tiên quyết: không
- Học phần học trước: không
- Học phần song hành: không
- Nội dung học phần: Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về môn bóng chuyền và các kỹ thuật cơ bản và luật thi đấu

8.16. GIÁO DỤC THỂ CHẤT – CẦU LÔNG

1 TC

- Điều kiện tiên quyết: không
- Học phần học trước: không
- Học phần song hành: không
- Nội dung học phần: Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về môn cầu lông, giúp cho sinh viên nắm được các kỹ thuật cơ bản cũng như điều luật thi đấu.

8.17. GIÁO DỤC THỂ CHẤT – ĐIỀN KINH

1 TC

- Điều kiện tiên quyết: không
- Học phần học trước: không
- Học phần song hành: không

- Nội dung học phần: Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức kỹ năng và luật thi đấu của môn chạy ngắn và nhảy cao kiểu nằm nghiêng.

8.18. GIÁO DỤC THỂ CHẤT – THỂ DỤC

1 TC

- Điều kiện tiên quyết: không
- Học phần học trước: không
- Học phần song hành: không
- Nội dung học phần: Bài thể dục liên hoàn tay không 72 động tác nhằm hình thành kỹ thuật cơ bản cho vận động trong đời sống.

8.19. GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG

8 TC

- Điều kiện tiên quyết: không
- Học phần học trước: không
- Học phần song hành: không
- Nội dung học phần: Trang bị kiến thức cơ bản về đường lối quân sự, công tác quốc phòng, an ninh của Đảng và Nhà nước; những kỹ năng quân sự, an ninh cần thiết nhằm đáp ứng yêu cầu xây dựng, củng cố lực lượng vũ trang nhân dân, sẵn sàng tham gia lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên và làm nghĩa vụ quân sự, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội, sẵn sàng bảo vệ Tổ quốc Việt Nam Xã hội chủ nghĩa.

8.20. MÔI TRƯỜNG VÀ CON NGƯỜI

2 TC

- Điều kiện tiên quyết: không
- Học phần học trước: không
- Học phần song hành: không
- Nội dung học phần: Được thiết kế nhằm trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về con người và sự phát triển của con người, các khái niệm sinh thái, tài nguyên thiên nhiên, sự tương tác giữa con người và môi trường, vai trò của con người trong cách tiếp cận bảo vệ môi trường và phát triển bền vững. Từ những kiến thức cơ bản này, sinh viên có thể giải thích được nguyên nhân chính gây nên các vấn đề môi trường, đồng thời cũng tự đưa ra được các biện pháp và hành vi tương thích để bảo vệ môi trường, tài nguyên thiên nhiên và phát triển bền vững.

8.21. TÂM LÝ HỌC QUẢN TRỊ

2 TC

- Điều kiện tiên quyết: không
- Học phần học trước: Toán cao cấp 1, Toán cao cấp 2, Kinh tế vi mô.

- Học phần song hành: không
- Nội dung học phần: Môn học cung cấp những kiến thức khái quát về khoa học tâm lý, tâm lý của cá nhân, tập thể, những kiến thức về giao tiếp, những kiến thức tâm lý có liên quan đến hoạt động kinh doanh, đến người bán hàng, đến công tác quản lý trong lĩnh vực kinh doanh...

8.22. TỐI ƯU HÓA TRONG KINH DOANH

2 TC

- Điều kiện tiên quyết: không
- Học phần học trước: Toán cao cấp 1, Toán cao cấp 2, Kinh tế vi mô.
- Học phần song hành: không
- Nội dung học phần: Môn học tối ưu hóa trong kinh doanh trang bị những kiến thức lý thuyết và thực hành về phân phối xác suất thống kê, phân tích hồi quy, phương pháp dự báo định lượng, mô hình toán và phân tích tối ưu, phân tích và ra quyết định.

8.23. NGUYÊN LÝ THÔNG KÊ KINH TẾ

2 TC

- Điều kiện tiên quyết: không
- Học phần học trước: không
- Học phần song hành: không
- Nội dung học phần: Trang bị cho sinh viên các vấn đề về lý thuyết, chuẩn bị cho những tiết thực hành trên máy tính có hiệu quả, là cơ sở quan trọng cho người học tiếp cận các môn học chuyên ngành kinh tế. Trang bị cho sinh viên khả năng ứng dụng trong lĩnh vực kinh tế và quản trị kinh doanh với các ví dụ gần gũi với thực tế.

8.24. KINH TẾ VI MÔ

3 TC

- Điều kiện tiên quyết: không
- Học phần học trước: Toán cao cấp 1
- Học phần song hành: không
- Nội dung học phần: Học phần cung cấp những hiểu biết và kiến thức căn bản và cơ sở về hoạt động của nền kinh tế thị trường thông qua việc phân tích các quy luật kinh tế cơ bản như quy luật cung cầu, quy luật cạnh tranh. Học phần còn đề cập đến hành vi của các thành viên trong một nền kinh tế: người tiêu dùng, doanh nghiệp và chính phủ. Qua đó sinh viên sẽ được trang bị công cụ phân tích để hiểu và có thể áp dụng khi học các học phần tiếp theo.

8.25. KINH TẾ VĨ MÔ

3 TC

- Điều kiện tiên quyết: không
- Học phần học trước: không
- Học phần song hành: Kinh tế vi mô.

- Nội dung học phần: Học phần cung cấp những hiểu biết và kiến thức căn bản một số khái niệm cơ bản của kinh tế vĩ mô, bao gồm: Đo lường tổng sản lượng và mức giá của nền kinh tế; mô tả hành vi của nền kinh tế trong dài hạn: các nhân tố quy định tăng trưởng kinh tế, thất nghiệp và lạm phát trong dài hạn; giới thiệu những tư tưởng chính về tổng cung, tổng cầu và cân bằng kinh tế vĩ mô; lạm phát và thất nghiệp trong ngắn hạn; giới thiệu các vấn đề kinh tế vĩ mô của một nền kinh tế mở bao gồm cán cân thanh toán, tỷ giá hối đoái và các chính sách thương mại.

8.26. MARKETING CĂN BẢN

3 TC

- Điều kiện tiên quyết: không
- Học phần học trước: Kinh tế vi mô.
- Học phần song hành: không

- Nội dung học phần: Học phần cung cấp những hiểu biết và kiến thức căn bản về những nguyên lý marketing và sự vận dụng chúng vào thực tiễn doanh nghiệp như: hệ thống thông tin và nghiên cứu marketing; Môi trường marketing và thị trường của các doanh nghiệp; nhận dạng nhu cầu và hành vi khách hàng; phương pháp luận nghiên cứu marketing và nguyên lý ứng xử của doanh nghiệp với thị trường, gồm: các chiến lược thị trường, các chính sách marketing căn bản và tổ chức quản trị marketing của doanh nghiệp.

8.27. NGUYÊN LÝ KẾ TOÁN

3 TC

- Điều kiện tiên quyết: không
- Học phần học trước: Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô.
- Học phần song hành: không

- Nội dung học phần: Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về các nguyên lý kế toán chung và việc vận dụng chúng vào doanh nghiệp: Các khái niệm, bản chất, đối tượng, mục đích, chức năng, nhiệm vụ và yêu cầu của kế toán; các phương pháp kế toán; quá trình thu thập, ghi chép số liệu kế toán và lập các báo cáo kế toán tài chính, trình tự kế toán các quá trình kinh doanh chủ yếu; các hình thức kế toán; nội dung và các hình thức tổ chức công tác kế toán.

8.28. TÀI CHÍNH – TIỀN TỆ

3 TC

- Điều kiện tiên quyết: không
- Học phần học trước: Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô.
- Học phần song hành: không
- Nội dung học phần: Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản như: Khái quát về tài chính, tiền tệ, tín dụng; lãi suất tín dụng, ngân hàng thương mại, ngân hàng trung ương, khái quát thị trường tài chính tài chính doanh nghiệp; ngân sách nhà nước; lạm phát tiền tệ.

8.29. KINH TẾ LƯỢNG

3 TC

- Điều kiện tiên quyết: không
- Học phần học trước: Toán cao cấp, Xác suất thống kê, Kinh tế vi mô
- Học phần song hành: không
- Nội dung học phần: Học phần cung cấp các kỹ thuật ước lượng, hiệu chỉnh mô hình hồi quy một phương trình, cách phân tích đúng đắn về mặt kỹ thuật cũng như về kinh tế của mô hình. Học phần còn trang bị cho sinh viên cách thức vận dụng các công cụ phân tích định lượng vào một số vấn đề kinh tế, quản trị kinh doanh cơ bản trên cơ sở sử dụng phần mềm chuyên dùng và cơ sở dữ liệu của Việt Nam.

8.30. KINH TẾ CÔNG

3 TC

- Điều kiện tiên quyết: không
- Học phần học trước: Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô, Tài chính-tiền tệ
- Học phần song hành: không
- Nội dung học phần: Cung cấp cho sinh viên các kiến thức về cơ sở kinh tế và các hoạt động của khu vực công trong nền kinh tế. Tìm hiểu, phân tích, đánh giá các chính sách của chính phủ áp dụng trong khu vực công. Sự điều tiết của nhà nước thông qua hoạt động chi tiêu công cộng và chính sách thuế khóa.

8.31. KINH TẾ MÔI TRƯỜNG

2 TC

- Điều kiện tiên quyết: không
- Học phần học trước: Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô.
- Học phần song hành: không
- Nội dung học phần: Cung cấp những kiến thức cơ bản về: mối quan hệ giữa môi trường và phát triển kinh tế bền vững; bản chất của hệ thống môi trường; kinh tế

học của chất lượng môi trường; những kỹ năng cơ bản của phân tích kinh tế tác động tới môi trường; nguyên lý và những kỹ năng cần thiết trong phân tích chi phí lợi ích và môi trường; những công cụ chủ yếu quản lý môi trường.

8.32. QUẢN TRỊ HỌC

3 TC

- Điều kiện tiên quyết: không
- Học phần học trước: Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô, Marketing căn bản
- Học phần song hành: không
- Nội dung học phần: Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về quản trị và sự vận dụng thực tiễn doanh nghiệp của nó như: khái niệm và bản chất của quản trị; nhà quản trị; môi trường quản trị; các lý thuyết quản trị (cổ điển và hiện đại); các chức năng của quản trị: hoạch định, tổ chức, giám đốc/điều hành và kiểm tra/kiểm soát. Học phần còn cập nhật một số vấn đề mới của quản trị học hiện đại như quản trị thông tin và ra quyết định, quản trị sự đổi mới/thay đổi, quản trị xung đột, quản trị sự rủi ro và cơ hội của một doanh nghiệp.

8.33. ANH VĂN CHUYÊN NGÀNH

2 TC

- Điều kiện tiên quyết: không
- Học phần học trước: Anh Văn 1, Anh Văn 2.
- Học phần song hành: không
- Nội dung học phần: Môn học tiếng Anh kinh tế giúp người học làm quen và rèn luyện phát triển các phương pháp học liên quan đến khả năng sử dụng tiếng Anh như là một công cụ giao tiếp trong môi trường học thuật. Kết thúc chương trình, người học sẽ: (I) hình thành cho mình phương pháp học đọc hiểu phù hợp và có khoa học; (II) có khả năng đọc sách giáo khoa, tạp chí chuyên ngành liên quan bằng tiếng Anh.

8.34. PHÂN TÍCH DỮ LIỆU MÔI TRƯỜNG

- Điều kiện tiên quyết: không
- Học phần học trước: Kinh tế môi trường, Môi trường và con người, Kinh tế lượng.
- Học phần song hành: không
- Nội dung học phần: Cung cấp cho học viên kiến thức cơ bản liên quan đến phương pháp nghiên cứu khoa học ứng dụng trong Khoa học môi trường và phân tích dữ liệu, trình bày kết quả nghiên cứu để làm nền tảng cho việc học các môn học khác.

Giới thiệu cho học viên các khái niệm và công cụ nghiên cứu khoa học cơ bản như Chuẩn bị đề cương nghiên cứu, Thiết kế và thực hiện nghiên cứu, Cách thành lập bảng câu hỏi, Phương pháp thu thập số liệu, Nhập và xử lý số liệu nghiên cứu, Phân tích và phát biểu thành lời những kết luận rút ra từ quá trình nghiên cứu, cách viết và trình bày kết quả nghiên cứu,... và các kỹ năng liên quan nhằm giúp sinh viên có thể áp dụng vào thực tế nghiên cứu.

8.35. PHÂN TÍCH ĐỊNH LƯỢNG

2 TC

- Điều kiện tiên quyết: không
- Học phần học trước: Nguyên lý thống kê kinh tế, Kinh tế lượng.
- Học phần song hành: không
- Nội dung học phần: Thứ nhất, môn học này cung cấp cho học viên khả năng phân tích có tính phê phán đối với các nghiên cứu phân tích định lượng và thực nghiệm được thực hiện bởi các tác giả khác và sử dụng các phân tích này vào việc thiết kế chiến lược kinh doanh. Mục tiêu thứ hai là cung cấp cho học viên những kỹ năng cần thiết để tự mình thực hiện các phân tích định lượng trong kinh doanh.

8.36. SINH THÁI HỌC

2 TC

- Điều kiện tiên quyết: không
- Học phần học trước: không
- Học phần song hành: không
- Nội dung học phần: Cung cấp các kiến thức về mối quan hệ thống nhất giữa sinh vật thuộc các mức tổ chức khác nhau (quần thể, quần xã, hệ sinh thái) với môi trường. Đồng thời mang lại những kiến thức về sự phát triển và tiến hóa của hệ sinh thái và sinh quyển; mối quan hệ giữa con người với tài nguyên, nguyên nhân suy thoái của môi trường và các biện pháp hữu hiệu cho sự phát triển bền vững.

8.37. HỆ THỐNG THÔNG TIN ĐỊA LÝ GIS

2 TC

- Điều kiện tiên quyết: không
- Học phần học trước: không
- Học phần song hành: không
- Nội dung học phần: Sinh viên ghi nhớ, vận dụng những kiến thức, hoàn thiện kỹ năng, áp dụng đa dạng các phương pháp, các hình thức tổ chức học tập môn Hệ thống thông tin Địa lý có chất lượng, hiệu quả. Qua học phần này SV nắm được hệ thống

kiến thức cơ bản về: Những khái niệm cơ bản về GIS: GIS là gì?, các thành phần của GIS, cơ sở dữ liệu, đặc điểm của GIS, những phần mềm GIS; lịch sử hình thành và phát triển của GIS trên thế giới; những ứng dụng của GIS trong mọi lĩnh vực: quản lý và bảo vệ tài nguyên môi trường, hoạt động chính phủ, nghiên cứu khoa học.

8.38. ỨNG DỤNG GIS VÀ VIỄN THÁM MÔI TRƯỜNG

2 TC

- Điều kiện tiên quyết: không
- Học phần học trước: Hệ thống thông tin địa lý GIS
- Học phần song hành: không
- Nội dung học phần: Các nguyên lý cơ bản của GIS và Viễn thám; Đặc tính và nguồn cơ sở dữ liệu sử dụng trong GIS, Viễn thám; Xây dựng kế hoạch sử dụng GIS và Viễn thám; Ứng dụng GIS và Viễn thám trong công tác quản lý môi trường.

8.39. CÔNG NGHỆ SẢN XUẤT SẠCH HƠN

2 TC

- Điều kiện tiên quyết: không
- Học phần học trước: Môi trường và con người
- Học phần song hành: không
- Nội dung học phần: Môn học là một cách tiếp cận mới về môi trường trong các nhà máy, doanh nghiệp sản xuất. Phương pháp bảo vệ môi trường trong nhà máy không còn là giải pháp thụ động như xử lý cuối đường ống nữa mà là những giải pháp chủ động ngăn ngừa chất thải ngay từ nguồn phát sinh như quản lý nội vi trong nhà máy, thay đổi nguồn nguyên liệu, năng lượng sạch, kiểm soát quá trình, thiết kế lại sản phẩm và tái chế, tái sử dụng tại chỗ nguồn chất thải. Chính vì vậy, không những doanh nghiệp đạt các tiêu chuẩn về môi trường mà còn giúp doanh nghiệp tiết kiệm được nguyên vật liệu và năng lượng, tăng số lượng và chất lượng sản phẩm, quản lý được chất thải và các nguồn rò rỉ, quản lý chất lượng cả vòng đời sản phẩm, từ đó dễ dàng đạt được các chứng chỉ về quản lý chất lượng ISO 9000, quản lý chất lượng môi trường ISO 14000...

8.40. THUẾ VÀ CHÍNH SÁCH THUẾ

2 TC

- Điều kiện tiên quyết: không
- Học phần học trước: Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô, Nguyên lý kế toán.
- Học phần song hành: không
- Nội dung học phần: Môn học Thuế cấu trúc bao gồm 7 chương cung cấp những kiến thức cơ bản về các sắc thuế được áp dụng tại Việt Nam cũng như thế giới

nếu thuế tiêu dùng, thuế sản xuất, thuế tài sản. Các nội dung bao quát trong chương trình gồm: nguyên lý chung trong xây dựng, và áp dụng các sắc thuế, đi sâu vào phân tích, tính toán và kê khai trong thực tiễn. Đây là môn học nền tảng bổ trợ kiến thức cho các môn chuyên ngành như: quản trị tài chính, quản lý ngân sách, tài chính công. Kiến thức môn học này là cơ sở cho môn học thuế nâng cao, cũng như các chuyên đề tốt nghiệp cho sinh viên.

8.41. DU LỊCH SINH THÁI

2 TC

- Điều kiện tiên quyết: không
- Học phần học trước: Sinh thái học, Môi trường và con người.
- Học phần song hành: không
- Nội dung học phần: Môn học truyền đạt cho sinh viên các khái niệm về du lịch sinh thái (DLST), tài nguyên DLST. Các loại hình du lịch sinh thái. Các kiến thức, phương pháp và kỹ năng quy hoạch, quản lý các hoạt động du lịch sinh thái trên phương diện kỹ thuật, kinh tế - xã hội và môi trường. Kỹ năng làm việc tại các công ty du lịch sinh thái các khu bảo tồn, Vườn quốc gia...

8.42. KIỂM TOÁN MÔI TRƯỜNG

2 TC

- Điều kiện tiên quyết: không
- Học phần học trước: Kinh tế môi trường.
- Học phần song hành: không
- Nội dung học phần: Giúp sinh viên nắm được các kiến thức cơ bản về Hệ thống quản lý môi trường theo ISO 14000, ISO 14001; phương pháp kiểm toán môi trường; phương pháp kiểm toán chất thải. Qua đó, có thể xây dựng một chương trình kiểm toán môi trường thực tế.

8.43. LUẬT VÀ CHÍNH SÁCH TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG

2 TC

- Điều kiện tiên quyết: không
- Học phần học trước: Pháp luật đại cương
- Học phần song hành: không
- Nội dung học phần: Trang bị cho sinh viên kiến thức về luật và chính sách môi trường và các kỹ năng cũng như phương pháp xây dựng luật và chính sách môi trường.

8.44. ĐỊNH GIÁ TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG

2 TC

- Điều kiện tiên quyết: không

- Học phần học trước: Quản trị tài chính, Kinh tế môi trường, Kiểm toán môi trường.

- Học phần song hành: không

- Nội dung học phần: Trang bị cho người học kiến thức về tổng giá trị kinh tế tài nguyên và môi trường. Trang bị các phương pháp định giá tài nguyên môi trường như phương pháp bóc lột sự ưa thích như phương pháp chi phí du hành và nhóm phương pháp phát biểu sự ưa thích như phương pháp chi phí ngẫu nhiên.

8.45. QUẢN TRỊ TÀI CHÍNH

3 TC

- Điều kiện tiên quyết: không

- Học phần học trước: Quản trị học; Tài chính – Tiền tệ

- Học phần song hành: không

- Nội dung học phần: Học phần cung cấp những khái niệm cơ bản, các kỹ năng phân tích trong quá trình ra quyết định về tài chính. Các chủ đề bao gồm: quản lý thu chi, phân tích và dự báo tài chính, quản lý đầu tư dài hạn, quản lý tài sản dài hạn, quản lý nguồn vốn, chi phí vốn,...

8.46. KẾ TOÁN TÀI CHÍNH

3 TC

- Điều kiện tiên quyết: không

- Học phần học trước: Nguyên lý kế toán.

- Học phần song hành: không

- Nội dung học phần: Khái quát hệ thống kế toán tài chính Các nghiệp vụ kế toán như: Kế toán lương, Kế toán tiền mặt – ngân hàng, Kế toán công nợ (Kế toán các khoản phải thu, Kế toán các khoản phải trả), Kế toán doanh thu, Kế toán chi phí (Kế toán chi phí sản xuất, tính giá thành sản phẩm, Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý), Kế toán các khoản ứng trước, Kế toán hàng tồn kho, Kế toán tài sản cố định, Kế toán tổng hợp,...

8.47. KINH TẾ QUỐC TẾ

2 TC

- Điều kiện tiên quyết: không

- Học phần học trước: Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô.

- Học phần song hành: không

- Nội dung học phần: Học phần cung cấp kiến thức về các mối quan hệ kinh tế giữa các nước, các khu vực trên thế giới thông qua mậu dịch quốc tế, đầu tư quốc tế và

tài chính quốc tế. Dựa trên cơ sở của kinh tế học, kinh tế quốc tế nghiên cứu lý thuyết cổ điển và lý thuyết hiện đại về mậu dịch quốc tế; chính sách thuế quan và chính sách phi thuế quan; các hình thức liên kết kinh tế quốc tế; mậu dịch quốc tế ở các nước đang phát triển; sự di chuyển nguồn lực quốc tế và một số vấn đề về tài chính quốc tế như thị trường ngoại hối, tỷ giá hối đoái, cán cân thanh toán và hệ thống tài chính và tiền tệ quốc tế.

8.48. KINH TẾ PHÁT TRIỂN

2 TC

- Điều kiện tiên quyết: không
- Học phần học trước: Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô.
- Học phần song hành: không
- Nội dung học phần: Học phần cung cấp những lý thuyết cơ bản về phát triển kinh tế và vận dụng vào thực tiễn các nước đang phát triển; bản chất tăng trưởng và phát triển kinh tế; những vấn đề phát triển kinh tế được đặt ra với các nước đang phát triển; tăng trưởng kinh tế, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, quan hệ giữ tăng trưởng kinh tế và phát triển phúc lợi cho con người; các yếu tố tác động đến tăng trưởng kinh tế kinh tế: Lao động, vốn, tài nguyên và công nghệ; các chính sách phát triển kinh tế: chính sách phát triển nông nghiệp và nông thôn, chính sách công nghiệp, tài chính và ngoại thương; ngoài ra môn học còn nghiên cứu sự vận dụng vào chính sách phát triển kinh tế của Việt Nam.

8.49. CƠ SỞ KHOA HỌC MÔI TRƯỜNG

2 TC

- Điều kiện tiên quyết: không
- Học phần học trước: không
- Học phần song hành: không
- Nội dung học phần: Cung cấp kiến thức cơ sở ngành về khoa học môi trường. Môn học trang bị cho sinh viên những khái niệm cơ bản về môi trường, chức năng của môi trường, tài nguyên thiên nhiên, ô nhiễm môi trường, công tác quản lý môi trường, các vấn đề nền tảng về môi trường và phát triển bền vững.

8.50. KINH TẾ TÀI NGUYÊN ĐẤT

2 TC

- Điều kiện tiên quyết: không
- Học phần học trước: Kinh tế môi trường
- Học phần song hành: không

- Nội dung học phần: Kinh tế tài nguyên đất là một môn học có sự gắn kết giữa những vấn đề lý luận trong kinh tế và các vấn đề kỹ thuật liên quan đến sử dụng đất. Môn học này nhằm trang bị những kiến thức cơ bản giúp sinh viên có những kiến thức cơ bản để có thể đưa ra các ứng xử hợp lý trong việc sử dụng nguồn lực trên cơ sở thực tế của mình. Bên cạnh đó, môn học còn đưa ra những kiến thức để phân tích và lựa chọn các chính sách quản lý phù hợp khuyến khích người dân nâng cao hiệu quả trong sử dụng nguồn lực đất của mình.

8.51. KINH TẾ TÀI NGUYÊN NƯỚC

2 TC

- Điều kiện tiên quyết: không
- Học phần học trước: Kinh tế môi trường
- Học phần song hành: không
- Nội dung học phần: Học phần sẽ cung cấp kiến thức có liên quan về việc kinh tế có liên quan và đóng vai trò quan trọng trong việc quản lý tài nguyên nước. Sau đó, sẽ giới thiệu các nguyên tắc kinh tế, khái niệm và lý thuyết để xây dựng nền tảng kinh tế cho sự hiểu biết các vấn đề nước. Dựa trên nền tảng kinh tế, học phần sẽ tiếp tục xây dựng, tổng hợp các phương pháp kinh tế để quản lý nước, bao gồm cả số lượng và các công cụ chính sách dựa trên giá cả, vai trò thể chế, và lợi ích chi phí phân tích.

8.52. KINH TẾ TÀI NGUYÊN RỪNG

2 TC

- Điều kiện tiên quyết: không
- Học phần học trước: Kinh tế môi trường
- Học phần song hành: không
- Nội dung học phần: Học phần sẽ cung cấp các nội dung liên quan đến: Giá trị của tài nguyên rừng; Động lực, mục tiêu, và kỹ thuật quản lý tài nguyên rừng; Mục đích của phân tích kinh tế rừng; Thảm họa thiên nhiên và mô hình của Reed; Quản lý đa dụng; Quản lý rừng bền vững

8.53. KINH TẾ BIỂN VÀ HẢI ĐẢO

2 TC

- Điều kiện tiên quyết: không
- Học phần học trước: Kinh tế môi trường
- Học phần song hành: không
- Nội dung học phần: Mục đích của học phần này là phát triển các kỹ năng kinh tế tiên tiến áp dụng cho vấn đề phát triển và tài nguyên biển và hải đảo của thế giới.

Học phần sẽ tập trung nhiều vào kỹ thuật phân tích và hướng dữ liệu có thể giúp làm sáng tỏ các chi phí và lợi ích của các chính sách khác nhau trong phân tích đối với biển và hải đảo, cũng như cách sử dụng một loạt các số liệu và kết hợp các giá trị môi trường - xã hội.

8.54. KINH TẾ TÀI NGUYÊN THỦY SẢN

2 TC

- Điều kiện tiên quyết: không
- Học phần học trước: Kinh tế môi trường
- Học phần song hành: không
- Nội dung học phần: Học phần cung cấp các nội dung như: Tổng quan về thủy sản trên thế giới, nuôi trồng thủy sản, và các thị trường cho cá. Các luật biển và lịch sử phát triển của nó, các tổ chức quốc gia và quốc tế đối phó với quản lý nghề cá; Phân tích các giá trị kinh tế và giá trị môi trường đối với ngành thủy sản. Các phương pháp thiếu hiệu quả và nhu cầu quản lý phát sinh từ nguồn thủy sản - Làm thế nào để giải quyết những vấn đề này? Thị trường tài chính và các sản phẩm tài chính của cá; Các lý thuyết về hợp đồng tài chính; hợp đồng tài chính có thể giúp các đơn vị khai thác thủy sản hay không?

8.55. KINH TẾ Ô NHIỄM

2 TC

- Điều kiện tiên quyết: không
- Học phần học trước: Kinh tế môi trường
- Học phần song hành: không
- Nội dung học phần: Học phần giúp cho SV hiểu biết khái niệm và cách tiếp cận mang tính nguyên lý về ô nhiễm tối ưu, các công cụ chống ô nhiễm và bảo vệ môi trường. Thực trạng ô nhiễm môi trường Việt Nam và quản lý ô nhiễm môi trường chất thải hiện tại. Học phần gồm 8 chương. Bắt đầu bằng chương tổng quan về chất ô nhiễm. Chương 2 đi sâu vào những vấn đề cơ bản của kinh tế ô nhiễm. Chương 3 giới thiệu phương pháp tiếp cận của kinh tế ô nhiễm. Chương 4,5,6 đi sâu vào kinh tế học của quản lý từng loại chất ô nhiễm. Chương cuối cùng trình bày các công cụ kinh tế để giải quyết vấn đề ô nhiễm hiện nay.

8.56. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

2 TC

- Điều kiện tiên quyết: không
- Học phần học trước: Kinh tế môi trường

- Học phần song hành: không
- Nội dung học phần: trang bị phần kiến thức cơ bản của phương pháp, công cụ, bước đi trong đánh giá tác động môi trường và lấy môi trường Đất làm trọng tâm trong việc phân tích và đưa ra các đánh giá. Bên cạnh đó, học phần cũng cung cấp các phương pháp và quy trình đánh giá tác động môi trường cũng như cung cấp cho sinh viên những kỹ năng cơ bản để có thể thực hiện những đánh giá về kinh tế cho một báo cáo đánh giá tác động môi trường.

8.57. MÔ HÌNH KINH TẾ

2 TC

- Điều kiện tiên quyết: không
- Học phần học trước: Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô
- Học phần song hành: không
- Nội dung học phần: Cung cấp một công cụ lý thuyết mô tả các quá trình kinh tế thông qua các biến số kinh tế và những mối quan hệ logic và định lượng giữa các biến số đó. Ngoài ra, môn học này còn cung cấp kiến thức cơ bản về mô hình tăng trưởng kinh tế như mô hình cổ điển, K.Mars, Keynes hay tăng trưởng kinh tế hiện đại... để xác định và lượng hóa vai trò của các nhân tố dẫn đến tăng trưởng kinh tế.

8.58. QUẢN LÝ TÀI NGUYÊN THIÊN NHIÊN

2 TC

- Điều kiện tiên quyết: không
- Học phần học trước: không
- Học phần song hành: không
- Nội dung học phần: Giới thiệu cho sinh viên các khái niệm về môi trường, các khái niệm về tài nguyên thiên nhiên, mối liên hệ và các vấn đề liên quan giữa môi trường, tài nguyên thiên nhiên và sức khỏe cộng đồng, kiến thức về các hình thái tài nguyên và các vấn đề cần quan tâm hiện nay ảnh hưởng đến tài nguyên, các biện pháp quản lý và bảo vệ các nguồn tài nguyên thiên nhiên, giải pháp bảo vệ và phát triển bền vững nguồn tài nguyên thiên nhiên và môi trường.

8.59. PHÂN TÍCH LỢI ÍCH - CHI PHÍ

3 TC

- Điều kiện tiên quyết: không
- Học phần học trước: Tài chính-tiền tệ, Quản trị tài chính
- Học phần song hành: không

- Nội dung học phần: Học phần cung cấp cho sinh viên phương pháp phân tích lợi ích chi phí của một dự án, một quyết định đầu tư trong tương lai làm cơ sở khoa học cho việc ra quyết định lựa chọn dự án, hay các quyết định đầu tư mang lại hiệu quả tốt nhất cho doanh nghiệp và xã hội.

8.60. THẨM ĐỊNH GIÁ

2 TC

- Điều kiện tiên quyết: không
- Học phần học trước: Quản trị học, Nguyên lý kế toán, Định giá tài nguyên môi trường.

- Học phần song hành: không
- Nội dung học phần: Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về thẩm định giá tài sản, trên cơ sở đó giúp sinh viên có đủ kiến thức để học tiếp các học phần như thẩm định giá bất động sản, thẩm định giá máy thiết bị, thẩm định giá doanh nghiệp, thẩm định giá tài sản vô hình. Ngoài ra, học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức tổng quan về thẩm định giá, cơ sở giá trị của thẩm định giá, các nguyên tắc thẩm định giá, các phương pháp thẩm định giá tài sản, quy trình và hoàn tất một báo cáo thẩm định giá tài sản.

8.61. QUẢN TRỊ DỰ ÁN

3 TC

- Điều kiện tiên quyết: không
- Học phần học trước: Quản trị học.
- Học phần song hành: không
- Nội dung học phần: Môn Quản lý dự án đầu tư trang bị cho sinh viên chuyên ngành những kiến thức cơ bản về quản lý dự án, bao gồm các nội dung: Lý thuyết cơ bản và hiện đại về dự án và quản lý dự án đầu tư phát triển; Các mô hình tổ chức QLDA trong nền kinh tế nói chung và doanh nghiệp nói riêng; Nội dung chủ yếu của QLDA (Quản lý thời gian, quản lý chi phí, quản lý nhân sự dự án, Phân phối nguồn lực dự án, quản lý chất lượng dự án, đánh giá và giám sát dự án...); Thực hành công tác QLDA trên cơ sở các bài tập tình huống do các nhà quản lý dự án chuyên nghiệp xây dựng

8.62. ĐỀ ÁN CHUYÊN NGÀNH

2 TC

- Điều kiện tiên quyết: không
- Học phần học trước: Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô, Cơ sở khoa học môi trường, Kinh tế tài nguyên đất, Kinh tế tài nguyên nước.

- Học phần song hành: không

- Nội dung học phần: Theo quy định của Bộ môn Kinh tế – Khoa Kinh tế TN&MT (có thể điều chỉnh, cập nhật), mỗi sinh viên chọn một đề tài/ chủ đề thuộc nội dung của hoạt động doanh nghiệp để thực hiện. Nội dung đề án chuyên ngành Kinh tế tài nguyên môi trường phải trên cơ sở đánh giá thực trạng hoạt động ở lĩnh vực nghiên cứu trong thời gian ≥ 3 năm trở lại đây tại một đơn vị hay tổ chức nào đó, rút ra các thành tựu, hạn chế cũng như nguyên nhân của các hạn chế để đưa ra và trình bày các định hướng cần thiết nhằm cải thiện tình hình ở các lĩnh vực nghiên cứu.

8.63. THỐNG KÊ MÔI TRƯỜNG

2 TC

- Điều kiện tiên quyết: không

- Học phần học trước: Nguyên lý thông kê kinh tế, Kinh tế môi trường.

- Học phần song hành: không

- Nội dung học phần: Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về Thống kê hiện trạng môi trường, phân tích thống kê môi trường, phân tích dự án môi trường và các vấn đề thống kê trong doanh nghiệp môi trường.

8.64. CÔNG NGHỆ TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG

2 TC

- Điều kiện tiên quyết: không

- Học phần học trước: Môi trường và con người.

- Học phần song hành: không

- Nội dung học phần: Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về các phương pháp xử lý ứng dụng trong công nghệ môi trường và nguyên lý hoạt động của các thiết bị. Học phần cũng giới thiệu một số dây chuyền công nghệ điển hình trong xử lý nước cấp, nước thải cũng như trong xử lý chất thải rắn...

8.65. KINH TẾ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

2TC

- Điều kiện tiên quyết: không

- Học phần học trước: Kinh tế môi trường

- Học phần song hành: không

- Nội dung học phần: Học phần cung cấp sự hiểu biết về vấn đề biến đổi khí hậu, đặc biệt là vấn đề kinh tế đối với sự thay đổi khí hậu. Nó cung cấp các công cụ để đánh giá các giá trị của các chính sách biến đổi khí hậu đang được đưa ra bởi chính phủ và các bên liên quan. Sau khi hoàn thành học phần này sinh viên sẽ có thể để mô tả và

trình bày rõ một số vấn đề quan trọng liên quan đến biến đổi khí hậu và xác định được các kiến thức về kinh tế được sử dụng cho các chính sách nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của sự thay đổi khí hậu. Học sinh cần hiểu được vai trò của các công cụ kinh tế trong việc thiết kế các chính sách thích hợp đối với sự biến đổi khí hậu, vai trò của Nghị định thư Kyoto và các cuộc họp tiếp theo, và các vấn đề về biến đổi khí hậu từ những quan điểm phát triển đất nước.

8.66. KINH TẾ XỬ LÝ CHẤT THẢI

2TC

- Điều kiện tiên quyết: không
- Học phần học trước: Kinh tế môi trường
- Học phần song hành: không
- Nội dung học phần: trình bày lý thuyết cơ sở về xử lý chất thải; nêu nguồn gốc phát sinh, phân loại, thành phần, và tính chất của chất thải; trình bày nguyên tắc cơ bản để xử lý chất thải; phân tích bản chất, nguyên tắc ứng dụng các công nghệ xử lý chất thải; đưa ra các phương pháp tính toán đối với phương pháp thải bỏ cuối cùng chất thải.

8.67. KINH TẾ KHOÁNG SẢN

2TC

- Điều kiện tiên quyết: không
- Học phần học trước: Kinh tế môi trường
- Học phần song hành: không
- Nội dung học phần: cung cấp cho học viên những kiến thức về: khoa học kinh tế và nguyên liệu khoáng; hệ thống đánh giá kinh tế khoáng sản. Học phần bao gồm những nội dung chính như: Tổng quan kinh tế nguyên liệu khoáng sản; Quan điểm và nguyên tắc đánh giá kinh tế tài nguyên khoáng sản; Các yếu tố quyết định giá trị kinh tế khoáng sản; Hệ thống các phương pháp đánh giá kinh tế khoáng sản; Nội dung và phương pháp lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi và khả thi đầu tư phát triển khoáng sản.

8.68. KINH TẾ NĂNG LƯỢNG TÁI TẠO

2TC

- Điều kiện tiên quyết: không
- Học phần học trước: Kinh tế môi trường
- Học phần song hành: không
- Nội dung học phần: Một hệ thống năng lượng bền vững là gì? Làm thế nào có thể tái tạo năng lượng cung cấp một tỷ lệ lớn hơn nhu cầu năng lượng của chúng ta

trong những thập kỷ tới? Những đánh giá và phân tích kinh tế để lựa chọn phương pháp tái tạo năng lượng mang lại hiệu quả kinh tế cho quốc gia và doanh nghiệp. Trong học phần này, bạn sẽ khám phá những câu hỏi này bằng cách xem xét một cách hệ thống các phương pháp tái tạo năng lượng và đánh giá lợi ích kinh tế của nó.

8.69. THỰC TẬP TỐT NGHIỆP

4 TC

- Điều kiện tiên quyết: không
- Học phần học trước: Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô, Cơ sở khoa học môi trường, Kinh tế tài nguyên đất, Kinh tế tài nguyên nước.
- Học phần song hành: không
- Nội dung học phần: Theo quy định của Bộ môn Kinh tế – Khoa Kinh tế TN&MT:

+ Nội dung chuyên đề thực tập tốt nghiệp phải trên cơ sở đánh giá thực trạng hoạt động ở lĩnh vực nghiên cứu trong thời gian ≥ 3 năm trở lại đây, rút ra các thành tựu, hạn chế cũng như nguyên nhân của các hạn chế để đưa ra và trình bày các định hướng cần thiết nhằm cải thiện tình hình ở các lĩnh vực nghiên cứu.

+ Kết cấu chuyên đề tốt nghiệp ngành Kinh tài nguyên môi trường ngoài phần mở đầu và phần kết luận, được thiết kế 3 chương. Chương 1 là cơ sở lý luận về lĩnh vực phân tích, Chương 2 phân tích thực trạng, Chương 3 là các định hướng giải pháp hoàn thiện. Ngoài ra, có những đề tài định lượng số lượng chương được thiết kế theo yêu cầu của người hướng dẫn.

+ Chuyên đề thực tập tốt nghiệp phải có xác nhận và đóng dấu của cơ sở thực tập.

8.70. KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

8 TC

- Điều kiện tiên quyết: Báo cáo thực tập tốt nghiệp
- Học phần học trước: không
- Học phần song hành: không
- Nội dung học phần: Theo quy định của Bộ môn Kinh tế – Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường:

+ Nội dung Khóa luận tốt nghiệp phải trên cơ sở đánh giá thực trạng hoạt động ở lĩnh vực nghiên cứu trong thời gian ≥ 3 năm trở lại đây, rút ra các thành tựu,

hạn chế cũng như nguyên nhân của các hạn chế để đưa ra và trình bày các định hướng cần thiết nhằm cải thiện tình hình ở các lĩnh vực nghiên cứu.

+ Kết cấu Khóa luận tốt nghiệp ngành Kinh tài nguyên môi trường ngoài phần mở đầu và phần kết luận, được thiết kế 3 chương. Chương 1 là cơ sở lý luận về lĩnh vực phân tích, Chương 2 phân tích thực trạng, Chương 3 là các giải pháp hoàn thiện. Ngoài ra, có những đề tài định lượng số lượng chương được thiết kế theo yêu cầu của người hướng dẫn.

9. Dự kiến phân bổ học phần theo học kỳ và sơ đồ cấu trúc chương trình đào tạo.

9.1 Dự kiến phân bổ học phần theo học kỳ (học đúng tiến độ)

ST T	Mã học phần	Tên học phần	HK1	HK2	HK3	HK4	HK5	HK6	HK7	HK8
1	11131006	Anh Văn 1	3							
2	11111008	Toán cao cấp 1	2							
3	12121001	Pháp luật đại cương	2							
4	12111010	Triết học Mác - Lênin	3							
5	20111001	Giáo dục Quốc phòng (*)	8							
6	200015005	Thể dục (*)	1							
7	200015002	Bóng chuyền (*)	1							
8	200015003	Cầu lông (*)	1							
9	200015001	Đá cầu (*)	1							
10	200015004	Điền kinh (*)	1							
11	14011002	Môi trường và con người	2							
12	18011002	Tâm lý học quản trị	2							
13	18011053	Tối ưu hóa trong kinh doanh	2							
14	18031020	Nguyên lý thống kê kinh tế	2							
15	11131002	Anh Văn 2		3						
16	12111011	Kinh tế chính trị Mác - Lênin		2						
17	18021001	Kinh tế vi mô		3						
18	18021002	Kinh tế vĩ mô		3						
19	18011050	Kỹ năng giao tiếp, thuyết trình căn bản		2						
20	11111011	Xác suất thống kê		2						
21	11111009	Toán cao cấp 2		2						
22	18011095	Marketing căn bản			3					
23	18021030	Tài chính - tiền tệ			3					
24	18021020	Kinh tế lượng			3					
25	18021105	Nguyên lý kế toán			3					

26	18011051	Kỹ năng tư duy và lập kế hoạch			2					
27	18031070	Anh văn chuyên ngành			2					
28	18031032	Phân tích dữ liệu môi trường			2					
29	18021027	Phân tích định lượng			2					
30	14011004	Sinh thái học			2					
31	17011003	Hệ thống thông tin địa lý GIS			2					
32	14011009	Công nghệ sản xuất sạch hơn			2					
33	18021031	Thuế và chính sách thuế			2					
34	14011041	Du lịch sinh thái			2					
35	12111003	Tư tưởng Hồ Chí Minh				2				
36	18011049	Quản trị học				3				
37	18021032	Kế toán tài chính				3				
38	18031056	Kinh tế phát triển				3				
39	18031031	Kinh tế công				3				
40	12111014	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam				2				
41	18041022	Luật và chính sách tài nguyên môi trường				2				
42	18011052	Kỹ năng giao tiếp công sở				1				
43	18011136	Quản trị tài chính					3			
44	18011045	Quản trị dự án					3			
45	18031021	Kinh tế quốc tế					3			
46	18031002	Kinh tế môi trường					3			
47	18021036	Kiểm toán môi trường					3			
48	18021040	Thẩm định giá					2			
49	14011003	Cơ sở khoa học môi trường						2		
50	18031005	Kinh tế tài nguyên đất						2		
51	18031006	Kinh tế tài nguyên nước						2		
52	18031036	Kinh tế tài nguyên rừng						2		
53	18031050	Kinh tế biển và hải đảo						2		
54	18031038	Kinh tế tài nguyên thủy sản						2		
55	18031007	Kinh tế ô nhiễm						2		
56	18031041	Mô hình kinh tế						2		

57	18021013	Phân tích lợi ích - chi phí						2		
58	18031033	Đề án chuyên ngành Kinh tế							2	
59	14011026	Đánh giá tác động môi trường							2	
60	18031042	Quản lý tài nguyên thiên nhiên							2	
61	18031004	Định giá tài nguyên môi trường							3	
62	18031049	Thống kê môi trường							2	
63	14021071	Công nghệ tài nguyên môi trường							2	
64	14011007	Ứng dụng GIS và viễn thám môi trường							2	
65	18031043	Kinh tế biến đổi khí hậu							2	
66	18031044	Kinh tế xử lý chất thải							2	
67	18031045	Kinh tế khoáng sản							2	
68	18031046	Kinh tế năng lượng tái tạo							2	
69	18011037	Thực tập tốt nghiệp								4
70	18011038	Khóa luận tốt nghiệp								8
Tổng số tín chỉ (*)			14	17	22	19	17	18	15	12

Ghi chú: () Không kể GDTC và GDQP-AN*

9.2 Sơ đồ cấu trúc chương trình đào tạo

(Vẽ sơ đồ mô tả cấu trúc chương trình đào tạo)

10. Hướng dẫn thực hiện chương trình

HK1	HK2	HK3	HK4	HK5	HK6	HK7	HK8
<p>Anh Văn 1</p> <p>Pháp luật đại cương</p> <p>Triết học Mác - Lênin</p> <p>Giáo dục Quốc phòng (*)</p> <p>Thể dục (*)</p> <p>Bóng chuyền (*)</p> <p>Câu lông (*)</p> <p>Đa căn (*)</p> <p>Điện kinh (*)</p> <p>Toán cao cấp 1</p>	<p>Anh Văn 2</p> <p>Kinh tế chính trị Mác - Lênin</p> <p>Kinh tế vi mô</p> <p>Kinh tế vĩ mô</p> <p>Kỹ năng giao tiếp, thuyết trình căn bản</p> <p>Xác suất thống kê</p> <p>Toán cao cấp 2</p>	<p>Marketing căn bản</p> <p>Tài chính - tiền tệ</p> <p>Kinh tế lượng</p> <p>Nguyên lý kế toán</p> <p>Kỹ năng tư duy và lập kế hoạch</p>	<p>Tư tưởng Hồ Chí Minh</p> <p>Quan trị học</p> <p>Kế toán tài chính</p> <p>Kinh tế phát triển</p> <p>Kinh tế công</p> <p>Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam</p> <p>Luật và chính sách tài nguyên môi trường</p> <p>Kỹ năng giao tiếp công sở</p>	<p>Quan trị tài chính</p> <p>Quan trị dự án</p> <p>Kinh tế quốc tế</p> <p>Kinh tế môi trường</p> <p>Kiểm toán môi trường</p> <p>Thẩm định giá</p>	<p>Cơ sở khoa học môi trường</p> <p>Kinh tế tài nguyên đất</p> <p>Kinh tế tài nguyên nước</p> <p>Kinh tế tài nguyên rừng</p> <p>Kinh tế biển và hải đảo</p> <p>Kinh tế tài nguyên thủy sản</p> <p>Kinh tế ô nhiễm</p> <p>Mô hình kinh tế</p> <p>Phân tích lợi ích - chi phí</p>	<p>Đề án chuyên ngành Kinh tế</p> <p>Đánh giá tác động môi trường</p> <p>Quan lý tài nguyên thiên nhiên</p> <p>Định giá tài nguyên môi trường</p>	<p>Thực tập tốt nghiệp</p> <p>Khóa luận tốt nghiệp</p>
<p>Môi trường và con người</p> <p>Tâm lý học quản trị</p> <p>Tối ưu hóa trong kinh doanh</p> <p>Nguyên lý thống kê kinh tế</p>		<p>Ảnh văn chuyên ngành</p> <p>Phân tích dữ liệu môi trường</p> <p>Phân tích định lượng</p> <p>Sinh thái học</p> <p>Hệ thống thông tin địa lý GIS</p> <p>Công nghệ sản xuất sạch hơn</p> <p>Thuế và chính sách thuế</p> <p>Du lịch sinh thái</p>		<p>Thống kê môi trường</p> <p>Công nghệ tài nguyên môi trường</p> <p>Ứng dụng GIS và viễn thám môi trường</p> <p>Kinh tế biến đổi khí hậu</p> <p>Kinh tế xử lý chất thải</p> <p>Kinh tế khoáng sản</p> <p>Kinh tế năng lượng tái tạo</p>			

10.1. Chương trình khung trình độ đại học ngành ***Kinh tế tài nguyên thiên nhiên*** được thiết kế dựa trên chương trình khung của Bộ Giáo dục và Đào tạo, là những quy định mang tính pháp lý quy định về cấu trúc, khối lượng và nội dung kiến thức tối thiểu cho ngành Kinh tế với trình độ đào tạo cử nhân đại học kinh tế.

Chương trình khung được thiết kế theo hướng thuận lợi cho việc phát triển các chương trình có cấu trúc kiểu đơn ngành (Single Major). Căn cứ vào mục tiêu, thời gian đào tạo, khối lượng và cơ cấu kiến thức quy định, Trường ĐH Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh đã bổ sung những học phần cần thiết để thành chương trình đào tạo chuyên ngành ***Kinh tế tài nguyên môi trường*** với tổng khối lượng 135 tín chỉ (chưa kể các nội dung về Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng).

10.2. Sắp xếp nội dung và quỹ thời gian trên cơ sở chương trình đào tạo và cây môn học, với sự hướng dẫn của cố vấn học tập, sinh viên hoàn toàn chủ động trong việc xác định tiến trình học tập của bản thân.

10.3. Thực tập, kiến tập: Trong khóa học sinh viên được tham gia thực tế tại các cơ quan quản lý nhà nước, các doanh nghiệp trước khi làm tốt nghiệp sinh viên được đi thực tập thực tế.

10.4. Phương pháp dạy, học: Kết hợp các phương pháp giảng dạy: Thuyết giảng, thảo luận nhóm, viết chuyên đề, làm bài tập lớn, thực hành, Tăng cường tính chủ động của sinh viên thông qua việc hướng dẫn sinh viên tự học, tự nghiên cứu tài liệu, nâng cao tính chủ động, sáng tạo trong quá trình dạy và học.

10.5. Kiểm tra, thi: Tùy theo từng môn học, ngoài việc đánh giá quá trình học tập trên lớp của các sinh viên do các giáo viên đánh giá, kết thúc môn học sinh viên sẽ được đánh giá thông qua một bài thi hết môn. Kết quả đánh giá là sự kết hợp của cả 2 hình thức: thi kết thúc môn và đánh giá quá trình của các giáo viên giảng dạy môn học

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO

TRƯỞNG KHOA

PGS. TS. Phan Đình Tuấn

PGS. TS. Lê Hoàng Nghiêm

PGS.TS. Văn Thị Thái Thu